

VN-Index chốt phiên gần như đi ngang

Ngày báo cáo

4/5/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index chốt phiên gần như đi ngang

VN-Index chốt phiên đi ngang (-0,04 điểm; 0,0%) vào thứ Hai, đóng cửa phiên giao dịch tại mức 1.854,1 điểm. Diễn biến phân hóa diễn ra ở hầu hết các nhóm ngành. Toàn sàn ghi nhận 169 mã tăng, 148 mã giảm và 60 mã đóng cửa tham chiếu. Thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước, đạt 21,2 nghìn tỷ đồng.

- Trong nhóm Bất động sản, VRE (+4,3%) và KBC (+1,6%) tăng mạnh, trong khi NVL (-6,8%), VHM (-2,7%) và VIC (-0,9%) giảm điểm.
- Trong nhóm Ngân hàng, VCB (+1,5%), BID (+1,9%), CTG (+1,1%) và VPB (+1,7%) ghi nhận mức tăng tốt. Ngược lại, STB (-1,9%), ACB (-1,7%) và TCB (-0,9%) suy giảm.
- Nhóm cổ phiếu Dầu khí diễn biến tích cực khi BSR (+7,0%), PLX (+4,2%) và PVD (+2,4%) đều tăng điểm.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các lĩnh vực khác bao gồm nhà sản xuất cao su GVR (+7,0%), nhóm tiện ích GAS (+1,7%) và POW (+5,1%), nhà bán lẻ MWG (+1,1%) và công ty trang sức PNJ (+1,5%). Các mã giảm nổi bật gồm công ty công nghệ FPT (-2,4%), các nhà sản xuất phân bón DCM (-1,5%) và DPM (-1,7%), cùng các công ty chứng khoán TCX (-1,7%) và VCK (-1,0%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1854,1	250,0	127,7
% Δ	0,0%	-0,3%	0,2%
- % Δ 1 tuần	0,0%	-0,8%	0,1%
- % YTD	3,9%	-0,2%	5,8%
- % YOY	51,2%	18,0%	38,2%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$805,0	\$55,4	\$19,4
- TB 1 tháng (triệu)	\$899,6	\$52,7	\$20,8
- TB 1 năm (triệu)	\$1.141,2	\$81,0	\$33,0
- TB QTD	\$911,8	\$53,1	\$20,5
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-24,0%	-32,1%	-42,1%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$85,1	\$10,6	\$0,7
- Bán (triệu)	\$124,2	\$1,8	\$5,7
- GT ròng (triệu)	-\$39,1	\$8,8	-\$5,0
Độ rộng TT			
Mã tăng	174	83	151
Mã giảm	153	64	129
Không đổi	96	158	589
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	332,7	17,1	50,9
P/E trượt 12T	13,7	10,9	17,9
LS cổ tức*	9,0%	5,4%	5,6%
Giao dịch Phái sinh			
	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.017,9	36.593	1.893,7
VN30F2M	2.022,5	1.999	4,0
VN30F1Q	2.019,3	313	0,2
VN30F2Q	2.017,4	35	0,2
VN100F1M	1.930,1	21	0,7
VN100F2M	1.934,0	15	0,1
VN100F1Q	1.925,5	14	0,0
VN100F2Q	1.920,0	3	-
USD/VND	26.356		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Lạm phát gia tăng chủ yếu do giá khí đốt tăng mạnh, trong khi thâm hụt thương mại đạt mức kỷ lục trong tháng 4
- Áp lực lạm phát ảnh hưởng ngành sản xuất Việt Nam
- ACV: Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng - Báo cáo KQKD
- BVH: Mảng bảo hiểm phi nhân thọ vượt kỳ vọng; thu nhập tài chính mạnh và mức dự phòng thấp hỗ trợ lợi nhuận - Báo cáo KQKD
- DGC: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD
- DPG: Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận - Báo cáo KQKD
- GMD: Khởi đầu thuận lợi bằng KQKD tích cực trong quý 1; nhưng triển vọng các quý tiếp theo còn phụ thuộc vào biến động tại Trung Đông - Báo cáo KQKD
- HDB: ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM - Báo cáo KQKD
- HPG: KQKD quý 1 tích cực nhờ doanh thu và biên lợi nhuận mảng thép cải thiện; ghi nhận lãi một lần từ thoái vốn bất động sản - Báo cáo KQKD
- HVN: Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá - Báo cáo KQKD
- NVL: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 vượt dự báo cả năm 2026; tiềm năng tăng dự báo - Báo cáo KQKD
- PTB: KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026 - Báo cáo KQKD
- SIP: Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- TPB: Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu - Báo cáo KQKD & ĐHCĐ
- VEA: Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- VHC: Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo - Báo cáo KQKD
- VIB: NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận - Báo cáo KQKD
- VJC: LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng - Báo cáo KQKD
- VTP: LNST sau lợi ích CĐTTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao - Báo cáo KQKD

Báo cáo trong ngày

- TNG: Duy trì đà tăng trưởng giữa biến động vĩ mô - Báo cáo Công ty

Quan điểm kỹ thuật

Đánh giá tổng quan, tác động tiêu cực từ VIC và VHM đã khiến VN-Index vi phạm đường MA5 trong hai phiên gần đây, qua đó làm gia tăng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn về vùng hỗ trợ gần quanh 1.840 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Lạm phát gia tăng chủ yếu do giá khí đốt tăng mạnh, trong khi thâm hụt thương mại đạt mức kỷ lục trong tháng 4

Vào ngày 03/05/2026, Cục Thống kê (NSO) đã công bố số liệu kinh tế tháng 4 và 4T 2026. Các kết quả chính được công bố như sau:

* **Sản xuất công nghiệp:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) duy trì đà tăng trưởng tích cực, tăng 9,9% so YoY trong tháng 4 (tháng 4/2025: +9,6% YoY), qua đó nâng mức tăng trưởng 4T 2026 lên 9,2%. Riêng ngành sản xuất, chế biến & chế tạo tăng 9,9% YoY trong 4T 2026.

* **Doanh thu bán lẻ:** Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12,1% YoY trong tháng 4 (tháng 4/2025: +9,3% YoY). Tính chung 4T 2026, doanh thu bán lẻ tăng 11,1% YoY (4T 2025: +9,4% YoY), trong đó bán lẻ hàng hóa (+11,1%), dịch vụ lưu trú và ăn uống (+13,4%), và du lịch lữ hành (+12,1%).

* **Du lịch:** Lượng khách quốc tế trong tháng 4 tăng 22,8% YoY, đạt hơn 2,0 triệu lượt, nâng tổng lượng khách 4T 2026 lên 8,8 triệu lượt (+14,6% YoY).

* **Thương mại:** Kim ngạch xuất khẩu tháng 4 đạt 45,5 tỷ USD (+21,0% YoY), trong khi nhập khẩu tăng mạnh 32,5% YoY, đạt 48,8 tỷ USD, dẫn đến mức thâm hụt thương mại 3,3 tỷ USD trong tháng - mức thâm hụt theo tháng lớn nhất trong chuỗi dữ liệu của chúng tôi kể từ năm 2011. Trong 4T 2026, xuất khẩu đạt 168,5 tỷ USD (+19,7% YoY) và nhập khẩu đạt 175,6 tỷ USD (+28,7% YoY), qua đó ghi nhận mức thâm hụt thương mại lũy kế 7,1 tỷ USD, trái ngược với mức thặng dư 4,3 tỷ USD ghi nhận trong cùng kỳ 4T 2025.

* **Vốn FDI:** Vốn FDI đăng ký trong tháng 4 giảm 4,5% YoY, đạt 3,0 tỷ USD. Tuy nhiên, vốn FDI đăng ký 4M 2026 vẫn tăng 32,0% YoY, đạt 18,2 tỷ USD. Vốn FDI giải ngân vẫn duy trì ổn định, tăng 11,9% YoY trong tháng 4, đạt 2,0 tỷ USD, và đạt 7,4 tỷ USD (+9,8% YoY) trong 4T 2026.

* **Cán cân ngân sách:** Thu ngân sách nhà nước trong 4T 2026 tăng 15,2%, đạt 1,114,3 nghìn tỷ VND (tương đương 44,0% kế hoạch năm) nhờ mức tăng 17,4% của thu nội địa. Chi ngân sách tăng 11,6% YoY, đạt 668,2 nghìn tỷ VND, dẫn đến thặng dư ngân sách đạt 445,8 tỷ USD. Giải ngân vốn đầu tư công tăng 16,4% YoY lên 153,2 tỷ USD, đạt 13,7% kế hoạch năm (thấp hơn mức trung bình 5 năm là 16,0%).

* **Lạm phát:** Chỉ số CPI tháng 4 tăng 0,84% so với tháng trước (MoM) và 5,46% YoY, đưa mức lạm phát trung bình 4T 2026 lên 3,99% YoY. Mức tăng trong tháng 4 chủ yếu do giá khí đốt trong nước tăng mạnh 35%.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất, tiêu dùng, đầu tư công và dòng vốn FDI vẫn giữ vững đà tăng trưởng trong 4T 2026. Tuy nhiên, lạm phát do giá năng lượng tăng có thể mang lại những rủi ro tiêu cực, đặc biệt là đối với tiêu dùng và hoạt động sản xuất. Ngoài ra, cán cân thương mại sẽ là yếu tố then chốt cần được theo dõi trong những tháng tới.

Áp lực lạm phát ảnh hưởng ngành sản xuất Việt Nam

* Trong tháng 4, chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đã giảm xuống còn 50,5 từ mức 51,2 trong tháng 3. Mặc dù đây là tháng thứ mười liên tiếp chỉ số nằm trong vùng tăng trưởng (trên ngưỡng 50 điểm), nhưng đây là mức thấp nhất trong 7 tháng qua.

* Sản lượng đã tăng trưởng trong mười hai tháng liên tiếp, nhưng tốc độ tăng trưởng đã chậm lại ở mức yếu nhất kể từ tháng 6/2025, phản ánh áp lực lạm phát gia tăng, tình trạng thắt chặt nguồn cung và sự bất ổn của thị trường liên quan đến xung đột tại Trung Đông. Chi phí đầu vào và giá đầu ra đã tăng với tốc độ nhanh nhất trong 15 năm. Mức giá cao hơn bắt đầu gây áp lực lên nhu cầu; số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm lần đầu tiên trong 8 tháng qua. Để ứng phó, các doanh nghiệp đã cắt giảm cả hoạt động mua hàng và tuyển dụng. Niềm tin kinh doanh cũng suy yếu xuống mức thấp nhất trong 7 tháng giữa bối cảnh lo ngại ngày càng tăng về tác động của xung đột tại Trung Đông.

* Nhìn chung, áp lực chi phí có khả năng sẽ gây áp lực lên sản xuất và số lượng đơn hàng mới, điều này có thể tác động tiêu cực đến triển vọng trong ngắn hạn của ngành sản xuất Việt Nam.

ACV: Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) công bố doanh thu quý 1/2026 đạt 6,8 nghìn tỷ đồng (+8% YoY; +1% QoQ; đạt 25% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi (không bao gồm lợi nhuận từ tài sản do Nhà nước sở hữu) đạt 2,6 nghìn tỷ đồng (-5% YoY; -18% QoQ; đạt 23% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi). Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy các điều chỉnh đối với dự báo hiện tại là không đáng kể, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Lưu lượng hành khách đạt mức tương đương với kỳ vọng của chúng tôi. Khách quốc tế đạt 12 triệu lượt (+2% YoY; -4% QoQ; đạt 25% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi). Khách nội địa đạt 20 triệu lượt (+9% YoY; +13% QoQ; đạt 26% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi). Mặc dù đã tiến hành chuyển nhượng sân bay Phú Quốc cho SunGroup (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 – trung bình chiếm 4,4% lượng khách quốc tế và 4,0% lượng khách nội địa của ACV giai đoạn 2023-2025), tổng lượng khách vẫn tăng trưởng 6% YoY và QoQ, đạt 32 triệu lượt (đạt 26% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi).

* Chúng tôi lưu ý rằng các dự báo của mình đã bao gồm tác động lợi nhuận của việc chuyển Sân bay Phú Quốc (PQA) cho Sun Group, nhưng chưa bao gồm bất kỳ khoản lãi bất thường nào từ việc bồi thường tài sản. ACV đã hoàn tất định giá tài sản và đang nộp phương án bồi thường lên các cơ quan có thẩm quyền. Do kết quả bồi thường cuối cùng vẫn đang chờ phê duyệt, chúng tôi sẽ cập nhật khoản lãi bất thường này khi có thông tin rõ ràng hơn về thời điểm và giá trị bồi thường. Tính đến cuối năm 2025, giá trị sổ sách ròng của PQA là 762 tỷ đồng (so với giá gốc là 3,2 nghìn tỷ đồng).

* Sau khi bàn giao mảng an ninh cho Bộ Công an vào năm 2025, ACV đã tái phân loại lợi nhuận từ mảng này thành một khoản mục riêng biệt trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và báo cáo tài chính quý 1/2026 (dự báo của chúng tôi hiện chưa phản ánh việc điều chỉnh này).

* Biên lợi nhuận gộp quý 1/2026 đạt 63,5% (-5,0 điểm phần trăm YoY; +11,7 điểm phần trăm QoQ; so với mức dự báo 58,4% cho năm tài chính 2026 của chúng tôi). Sự phục hồi mạnh mẽ QoQ phản ánh việc bình thường hóa từ mức nền chi phí cao trong quý 4/2025, tức thời điểm ACV ghi nhận chi phí sửa chữa và bảo trì tăng đột biến (895 tỷ đồng so với 65 tỷ đồng trong quý 1/2026 và 101 tỷ đồng trong quý 1/2025), chủ yếu liên quan đến việc bảo trì đường bay. So với cùng kỳ năm trước, biên lợi nhuận gộp vẫn thấp hơn, chủ yếu do chi phí khấu hao cao hơn sau khi các hạ tầng mới được đưa vào vận hành (ví dụ: Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, mở rộng Nhà ga T2 Nội Bài). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BVH: Mảng bảo hiểm phi nhân thọ vượt kỳ vọng; thu nhập tài chính mạnh và mức dự phòng thấp hỗ trợ lợi nhuận - Báo cáo KQKD

Tập đoàn Bảo Việt (BVH) công bố KQKD hợp nhất quý 1/2026 với tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 11,2 nghìn tỷ đồng (+4% YoY) và LNTT đạt 1,0 nghìn tỷ đồng (+19% YoY), lần lượt hoàn thành 22% và 25% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Nhìn chung, KQKD của công ty vượt kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu nhờ vào việc duy trì mức dự phòng toán học thấp và thu nhập tài chính mạnh mẽ.

* Mảng bảo hiểm phi nhân thọ đã ghi nhận một quý tăng trưởng ấn tượng. Trong quý 1/2026, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ lần lượt đạt 7,7 nghìn tỷ đồng (-4,1% YoY) và 3,3 nghìn tỷ đồng (+18,7% YoY). Phân khúc phi nhân thọ cho thấy đà tăng trưởng mạnh mẽ (vượt mức tăng trưởng toàn ngành là 10,2%; cho thấy thị phần tăng trưởng trở lại) trong bối cảnh các hoạt động kinh tế đang cải thiện. Trong khi đó, phân khúc nhân thọ tiếp tục đối mặt với những khó khăn chung của ngành trong bối cảnh phí bảo hiểm nhân thọ toàn hệ thống giảm 2,5% YoY.

* Bảo hiểm Bảo Việt (công ty con phi nhân thọ) ghi nhận tổng doanh thu đạt 3,9 nghìn tỷ đồng (+23,5% YoY) và LNST đạt 117 tỷ đồng (+17,5% YoY). Trong bối cảnh phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng mạnh, tỷ lệ bồi thường cũng cải thiện rõ rệt 6,0 điểm % YoY xuống còn 32,4% trong quý 1/2026, và tỷ lệ kết hợp giảm 17,3 điểm % YoY xuống 83,0%—một sự cải thiện đáng kể, theo ước tính sơ bộ của chúng tôi. Trong khi đó, Bảo Việt Nhân thọ ghi nhận doanh thu quý 1/2026 đạt 11,3 nghìn tỷ đồng (+3,7% YoY) và LNST đạt 586 tỷ đồng (+22,3% YoY).

* Tổng chi phí bồi thường và dự phòng gần như đi ngang so với cùng kỳ ở mức 8,3 nghìn tỷ đồng (+0,3% YoY) bất chấp doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng, cho thấy chi phí trích lập dự phòng toán học giảm đáng kể. Chúng tôi cho rằng điều này phản ánh (1) việc giảm chi phí dự phòng toán học, có thể do đà giảm tiếp diễn của dự phòng cho các hợp đồng cũ có lãi suất đảm bảo cao và/hoặc lợi suất trái phiếu Chính phủ cao hơn giúp thu hẹp khoảng cách thời hạn trong môi trường lãi suất tăng, và (2) mức trích lập dự phòng bồi thường gộp thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Chi phí khai thác cũng giảm nhẹ (-2,7% YoY), tiếp tục hỗ trợ cho sự cải thiện biên lợi nhuận.

* Thu nhập tài chính thuần tăng lên 3,0 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026 (+15,4% YoY từ 2,6 nghìn tỷ đồng), được hỗ trợ bởi mức tăng 25,5% YoY của thu nhập tài chính gộp lên 4,0 nghìn tỷ đồng. Kết quả này bị bù đắp một phần bởi mức tăng 67,2% YoY của chi phí tài chính lên 1,0 nghìn tỷ đồng, điều mà chúng tôi cho rằng xuất phát từ việc BVH mở rộng đáng kể vị thế vay repo và trái phiếu; tổng nợ và trái phiếu repo gần như tăng gấp đôi (+96,4% YoY) lên 69,0 nghìn tỷ đồng tính đến quý 1/2026. Tổng tài sản đầu tư tăng 22,7% YoY lên 287,3 nghìn tỷ đồng, với tỷ suất lợi nhuận đầu tư gộp duy trì ổn định ở mức 5,3%. Hiệu quả thu nhập tài chính mạnh mẽ phản ánh môi trường lãi suất thuận lợi vào đầu năm 2026 cũng như việc mở rộng quy mô danh mục đầu tư của BVH. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DGC: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD

* CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC) đã công bố KQKD quý 1/2026:

- Doanh thu: 2,1 nghìn tỷ đồng (-24% YoY; -22% QoQ; đạt 16% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi).

- LNST sau lợi ích CĐTTS: 409 tỷ đồng (-49% YoY; -34% QoQ; đạt 13% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi).

- Kết quả này thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi, do sản lượng bán hàng yếu hơn dự kiến và biên lợi nhuận bị thu hẹp đáng kể. Theo đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đáng kể đối với dự báo lợi nhuận năm tài chính 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Trong Q1/2026, Chúng tôi ước tính giá bán trung bình (ASP) của P4 đạt khoảng 4.370 USD/tấn (+6,4% YoY; đạt 113% dự báo cả năm tài chính của chúng tôi tính theo VNĐ) và ASP của TPA đạt khoảng 1.045 USD/tấn (-5,7% YoY; đạt 103% dự báo cả năm tài chính của chúng tôi tính theo VNĐ). Lưu ý rằng DGC hiện vẫn chưa công bố thông tin chi tiết theo mảng kinh doanh.

* Trong quý 1/2026, biên lợi nhuận gộp của DGC thu hẹp còn 23,0% (so với mức 34,9% trong quý 1/2025 và dự báo 26,7% cho năm tài chính 2026 của chúng tôi). Chúng tôi cho rằng nguyên nhân đến từ tình trạng thiếu quặng kéo dài, bao gồm việc sụt giảm nguồn cung quặng tự khai thác với chi phí thấp hơn khi khai trường 25 tạm ngưng hoạt động liên quan đến các nội dung thanh tra đang diễn ra, theo ban lãnh đạo. Ngoài ra, chi phí đầu vào gia tăng như lưu huỳnh (tăng gấp 3 lần YoY), điện, than cốc, amoniac... đang gây thêm áp lực lên biên lợi nhuận gộp của công ty.

* Tỷ lệ SG&A/doanh thu tăng 6,9% (-1,5 điểm phần trăm YoY; so với dự báo 5,8% cho cả năm tài chính) do doanh thu giảm nhanh hơn chi phí SG&A (-24% so với -3% YoY). Chi phí bán hàng giảm 14% YoY nhờ chi phí vận chuyển thấp hơn (-24% YoY), bù đắp một phần bởi chi phí nhân công cao (+122% YoY). Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 21% YoY, chủ yếu do chi phí nhân công (+28% YoY) và các chi phí khác tăng dù chi phí thuê ngoài giảm.

* Tiền mặt, tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn giảm xuống còn 11,3 nghìn tỷ đồng (-14% so với mức 13,1 nghìn tỷ đồng cuối năm 2025), nhưng vẫn duy trì ở mức cao.

* Chúng tôi lưu ý rằng DGC vẫn chưa công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã qua kiểm toán. Cổ phiếu đã bị HOSE đưa vào diện cảnh báo kể từ ngày 23/04/2026. Nếu tình trạng chậm trễ tiếp diễn, cổ phiếu có thể đối mặt với các biện pháp xử lý mạnh hơn, bao gồm khả năng bị đưa vào diện kiểm soát (thường liên quan đến việc chậm trễ quá khoảng 30 ngày so với thời hạn quy định) và trong trường hợp nghiêm trọng hơn là hạn chế giao dịch (chậm quá khoảng 45 ngày). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPG: Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận - Báo cáo KQKD

* CTCP Tập đoàn Đạt Phương (DPG) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu thuần đạt **497 tỷ đồng (-6% YoY)** và **LNST sau lợi ích CĐTS đạt 70 tỷ đồng (+7% YoY)**, lần lượt tương đương **8% và 9% dự báo cả năm của chúng tôi**. Doanh thu giảm chủ yếu do (1) mức giảm 11% YoY của mảng xây dựng sau khi không còn hợp nhất DP 1&2 từ quý 2/2025 và (2) mức giảm nhẹ 6% YoY của mảng năng lượng. Chúng tôi cho rằng mức độ hoàn thành thấp so với dự báo doanh thu đến từ (1) đặc thù ghi nhận doanh thu thấp của mảng xây dựng trong giai đoạn nửa đầu năm và (2) chưa ghi nhận doanh số từ dự án BĐS Casamia Balanca trong quý 1/2026.

* Tuy nhiên, **LNST sau lợi ích CĐTS vẫn tăng YoY dù doanh thu giảm, với nguyên nhân chủ yếu do** (1) mức giảm 30% YoY của chi phí bán hàng & quản lý (SG&A), (2) việc ghi nhận khoản chia cổ tức 4 tỷ đồng từ DP 1&2 và (3) việc ghi nhận khoản lợi nhuận 2 tỷ đồng được chia từ các công ty liên kết.

* **DPG đã ghi nhận số tiền trả trước xấp xỉ 1,15 nghìn tỷ đồng từ các khách hàng mảng xây dựng tại thời điểm cuối quý 1/2026, gần gấp đôi so với mức 0,6 nghìn tỷ đồng ghi nhận vào cuối năm 2025.** Điều này góp phần hỗ trợ cho dự báo doanh thu mảng xây dựng năm 2026 của chúng tôi (4,0 nghìn tỷ đồng; +6% YoY).

* **Tiến độ thực hiện dự án kính năng lượng mặt trời PV đang diễn ra nhanh chóng:** tại ĐHCĐ gần đây, công ty đặt mục tiêu sẽ hoàn thành phần xây dựng cơ bản của dự án vào tháng 5/2026 và hoàn tất lắp đặt thiết bị vào tháng 9/2026. Nhà máy được dự kiến sẽ vận hành và bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2026, sớm hơn so với dự báo hiện tại của chúng tôi là năm 2027. Trong quý 1/2026, công ty đã giải ngân thêm 323 tỷ đồng vốn đầu tư XD CB cho dự án này. DPG dự kiến sẽ ghi nhận mức lỗ ròng 39 tỷ đồng trong năm 2026 và bắt đầu ghi nhận lãi ròng từ năm 2027, trong khi chúng tôi hiện dự báo công ty sẽ ghi nhận mức LNST 27 tỷ đồng trong năm 2027.

* **Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026,** do lợi nhuận từ dự án Casamia Balanca có khả năng sẽ được ghi nhận ở mức thấp hơn kỳ vọng, qua đó làm át tác động từ mức tăng lợi nhuận của mảng xây dựng, như đã đề cập trong [Báo cáo ĐHCĐ](#) của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GMD: Khởi đầu thuận lợi bằng KQKD tích cực trong quý 1; nhưng triển vọng các quý tiếp theo còn phụ thuộc vào biến động tại Trung Đông - Báo cáo KQKD

CTCP Gemadept (GMD) đã công bố KQKD quý 1/2026, như sau:

* Doanh thu: 1.452 tỷ đồng (-10% QoQ từ mức cao theo mùa, +14% YoY; tương đương 20% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS: 534 tỷ đồng (+4% QoQ, +33% YoY; 20% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 534 tỷ đồng (-18% QoQ, +34% YoY; 20% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

KQKD theo mảng:

* **Mảng cảng:** Doanh thu mảng cảng hợp nhất quý 1/2026 giảm 10% QoQ từ mức nền cao do yếu tố mùa vụ của quý 4/2025, nhưng ghi nhận mức tăng 13% YoY. Chúng tôi cho rằng diễn biến này đến từ cả (1) mức tăng trưởng của sản lượng, phù hợp với hoạt động xuất nhập khẩu mạnh mẽ của Việt Nam trong quý 1, và (2) sự gia tăng của giá bán trung bình tại các cảng phía Nam (không bao gồm Gemalink). Công ty hiện chưa công bố chi tiết sản lượng theo từng cảng. Biên lợi nhuận gộp mảng cảng trong quý 1 đã ghi nhận mức giảm QoQ từ mức 47,2% xuống 43,8% (khả năng do thông lượng yếu hơn theo mùa, trong bối cảnh mảng sở hữu mức đòn bẩy hoạt động cao), đồng thời cũng ghi nhận mức giảm nhẹ YoY (từ mức 44,1%).

* **Gemalink:** Kết quả nhìn chung tương đối tích cực, với LNST ước tính quý 1/2026 đạt 359 tỷ đồng (-22% QoQ từ mức nền cao do yếu tố mùa vụ, +46% YoY; tương đương 19% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi cho rằng kết quả tích cực này chủ yếu đến từ (1) mức tăng trưởng mạnh của sản lượng và (2) mức tăng của giá bán trung bình sau khi phí xếp dỡ cảng nước sâu được điều chỉnh tăng khoảng 10% kể từ ngày 01/02.

* **Mảng logistics:** Mảng logistics ghi nhận doanh thu quý 1/2026 đạt 170 tỷ đồng (-7% QoQ, +22% YoY; tương đương 22% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và lợi nhuận gộp đạt 75 tỷ đồng (-16% QoQ, +25% YoY; tương đương 21% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Biên lợi nhuận gộp quý 1 đạt 44,2%, tăng nhẹ so với mức 43,3% của cùng kỳ năm trước, nhưng giảm so với mức 49,2% của quý trước. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDB: ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB) công bố KQKD hợp nhất quý 1/2026 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 10,0 nghìn tỷ đồng (+8% YoY) và LNTT đạt 6,1 nghìn tỷ đồng (+14% YoY; -6% QoQ), lần lượt hoàn thành 19% và 22% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Nhìn chung, lợi nhuận phù hợp với kỳ vọng khi chi phí hoạt động (OPEX) được kiểm soát tốt và chi phí tín dụng thấp hơn dự kiến đã bù đắp cho kết quả TOI thấp hơn dự kiến. HDB tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ với ROE dẫn đầu ngành ở mức 24,3%, được thúc đẩy bởi cả ngân hàng mẹ và các công ty con, đồng thời tiếp tục kiểm soát các rủi ro về chất lượng tài sản. Mặc dù câu chuyện tăng trưởng của HDB vẫn rất tích cực, nhưng NIM quý 1 cho thấy những thách thức, và chúng tôi cho rằng HDB sẽ có độ nhạy với biến động lãi suất cao hơn so với trung bình các ngân hàng trong danh mục theo dõi của chúng tôi.

* Tăng trưởng tín dụng ngân hàng mẹ quý 1/2026 đạt 7,9% so với mức 3,2% của toàn hệ thống (tăng trưởng cho vay đạt 10%; dư nợ trái phiếu doanh nghiệp giảm 16% YoY và chiếm 2% tổng dư nợ tín dụng của HDB). Tăng trưởng tín dụng được thúc đẩy chủ yếu bởi cho vay doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong khi mảng khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh tăng 4,6% QoQ (đóng góp 26% danh mục cho vay của ngân hàng mẹ). Tính đến quý 1/2026, ngân hàng mẹ có dư nợ đã mua là gần 20 nghìn tỷ đồng (-20% QoQ; đóng góp 3% tổng tín dụng).

* Chúng tôi ước tính tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ trong quý 1/2026, trước khi bán các khoản nợ cho Vikki Bank, đạt gần 9,1%. Dựa trên công bố, chúng tôi ước tính HDB đã bán ròng 6,8 nghìn tỷ đồng dư nợ cho Vikki Bank trong quý 1/2026, thấp hơn đáng kể so với ba quý trước đó.

* Thanh khoản dồi dào với nguồn vốn mạnh: Tăng trưởng tiền gửi hợp nhất quý 1/2026 đạt 10,8% QoQ, trong khi tỷ lệ CASA đạt 10,4% (-2,0 điểm % QoQ; +0,4 điểm % YoY). Ngoài ra, giấy tờ có giá quý 1/2026 tăng 18,9% YoY. Hệ số an toàn vốn (CAR) quý 1/2026 là 16,2%, vẫn cao nhất ngành, trong khi tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) là 69,8% (so với mức trần quy định là 85%), vẫn ở mức thấp so với các ngân hàng cùng ngành.

* NIM chịu áp lực giảm: NIM quý 1/2026 đạt 3,78% (-78 điểm cơ bản YoY; -109 điểm cơ bản QoQ; thấp hơn dự báo cả năm của chúng tôi là 4,30%), do áp lực từ cả lợi suất tài sản sinh lãi (IEA) (-66 điểm cơ bản QoQ) và chi phí vốn (+60 điểm cơ bản QoQ). Chúng tôi cho rằng việc giảm lợi suất IEA

có thể do đóng góp từ tín dụng bán lẻ yếu hơn và LDR giảm. Trong khi đó, chi phí vốn tăng lên khi HDB mở rộng cơ sở huy động để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng cao trong bối cảnh lãi suất tăng.

* Thu nhập ngoài lãi (NOI) quý 1/2026 đạt 1,5 nghìn tỷ đồng, giảm 18% YoY do thu nhập từ thu hồi nợ xấu giảm 65% YoY và lỗ 6 tỷ đồng từ kinh doanh chứng khoán so với lãi 389 tỷ đồng trong quý 1/2025. Tuy nhiên, thu nhập từ phí thuần (NFI) mạnh (+16% YoY) và lãi từ kinh doanh ngoại hối (+71% YoY) đã bù đắp một phần tác động tiêu cực.

* Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) quý 1/2026 đạt 26,0% (-1,4 điểm % YoY; thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi).

* Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ, nhưng nợ nhóm 2 tiếp tục cải thiện đáng kể, đạt mức thấp nhất trong ba năm. Nợ xấu quý 1/2026: 2,60% (+16 điểm cơ bản QoQ; +23 điểm cơ bản YoY). Tỷ lệ nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ: 2,58% (-86 điểm cơ bản QoQ; -281 điểm cơ bản YoY).

* Chi phí dự phòng quý 1/2026 giảm 5% YoY, chủ yếu do ngân hàng mẹ, hoàn thành 13% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, HDB thường tăng tốc xử lý nợ xấu và tăng cường bộ đệm dự phòng vào cuối năm, điều này có thể cho thấy áp lực tăng dự phòng trong các quý còn lại. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) hợp nhất quý 1/2026 là 50,0% (-4,8 điểm % QoQ; -3,0 điểm % YoY).

* HDSaison: Chúng tôi ước tính tăng trưởng cho vay quý 1/2026 đạt 10% QoQ và tỷ lệ nợ xấu của HDS ở mức 7,17% (+29 điểm cơ bản QoQ; -18 điểm cơ bản YoY; quý 1 thường là mùa thấp điểm nhất cho thu hồi nợ). LNTT quý 1/2026 đạt khoảng 339 tỷ đồng (+31% YoY; đạt 20% dự báo cả năm; phù hợp kỳ vọng). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HPG: KQKD quý 1 tích cực nhờ doanh thu và biên lợi nhuận mỏng thép cải thiện; ghi nhận lãi một lần từ thoái vốn bất động sản - Báo cáo KQKD

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) công bố KQKD quý 1/2026:

* Doanh thu thuần: 52,9 nghìn tỷ đồng (+15% QoQ, +41% YoY; đạt 27% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CBTS: 9 nghìn tỷ đồng (+133% QoQ, +169% YoY; đạt 41% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST sau lợi ích CBTS cốt lõi: 5 nghìn tỷ đồng (+29% QoQ, +49% YoY; đạt 23% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Sản lượng bán các sản phẩm thép quý 1/2026:

* Thép xây dựng: khoảng 1.431.000 tấn (+8% QoQ; +20% YoY; đạt 26% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* HRC: khoảng 1.471.000 tấn (-10% QoQ từ mức nền cao; +48% YoY; đạt 22% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Ống thép: khoảng 241.000 tấn (+13% QoQ; +30% YoY; đạt 26% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Tôn mạ: khoảng 106.000 tấn (+3% QoQ; +19% YoY; đạt 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HVN: Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (HVN) công bố doanh thu quý 1/2026 đạt 36,9 nghìn tỷ đồng (+21% YoY; đạt 32% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CBTS đạt 4,4 nghìn tỷ đồng (+29% YoY; đạt 51% dự báo cả năm của chúng tôi). Lợi nhuận thực tế cao hơn kỳ vọng của chúng tôi. Tuy nhiên, trước những rủi ro gia tăng về giá nhiên liệu bay do ảnh hưởng của căng thẳng Trung Đông, chúng tôi đang thực hiện đánh giá lại các dự báo của mình.

*** Kết quả hoạt động của VNA:**

- Doanh thu công ty mẹ (VNA) đạt 29,1 nghìn tỷ đồng (+18% YoY; đạt 33% dự báo cả năm của chúng tôi). Tăng trưởng chủ yếu nhờ doanh thu mảng vận tải (+18% YoY; đạt 33% dự báo cả năm của chúng tôi), trong khi doanh thu phụ trợ có dấu hiệu chững lại (-9% YoY; đạt 19% dự báo cả năm của chúng tôi).

- Đà tăng trưởng lưu lượng hành khách duy trì ổn định với 6,9 triệu lượt khách được vận chuyển (+12% YoY), nhờ việc tiếp tục đẩy mạnh khai thác các tuyến quốc tế.

- Mở rộng mạng lưới bay tiếp tục tập trung vào các tuyến quốc tế có tỷ suất lợi nhuận cao. HVN hiện đang vận hành 11 đường bay trực tiếp đến Châu Âu bằng tàu bay thân rộng A350/B787. Đường bay Hà Nội – Amsterdam dự kiến sẽ khai trương vào ngày 16/06/2026, trong khi tần suất bay Hà Nội – Moscow đang được nâng lên mức 4 chuyến/tuần. Tại khu vực, HVN đã khai trương đường bay TP.HCM – Phuket (02/04/2026; tần suất 5 chuyến/tuần), giúp củng cố thêm mạng lưới nội khối ASEAN và khả năng kết nối trung tâm.

* Biên lợi nhuận gộp đạt 19,8% (-0,7 điểm phần trăm YoY; so với mức 15,7% trong dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi). Chúng tôi lưu ý rằng chi phí nhiên liệu vẫn chưa được phản ánh đầy đủ trong báo cáo KQKD. Ban lãnh đạo cho biết mỗi khi giá nhiên liệu bay tăng thêm 1 USD/thùng có thể làm tăng chi phí khoảng 300 tỷ đồng mỗi năm, qua đó cho thấy lợi nhuận của công ty có độ nhạy rất cao với biến động giá nhiên liệu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NVL: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 vượt dự báo cả năm 2026; tiềm năng tăng dự báo - Báo cáo KQKD

* CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL) báo cáo LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 đạt 901 tỷ đồng nhờ doanh thu tăng mạnh. Đây là quý có lãi thứ hai liên tiếp của công ty, sau khi đạt 3,2 nghìn tỷ đồng LNST sau lợi ích CĐTS trong quý 4/2025 (được hỗ trợ bởi hoàn nhập dự phòng liên quan đến Lakeview City), so với khoản lỗ ròng 443 tỷ đồng trong quý 1/2025.

* Doanh thu thuần trong quý 1/2026 tăng 129% QoQ và 102% YoY lên 3,6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu từ việc bàn giao tại các dự án Sunrise Riverside, Aqua City, NovaWorld Phan Thiet và NovaWorld Ho Tram, cũng như chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

* Do LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 đã vượt dự báo cả năm 2026 của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Dư nợ vay: Tỷ lệ nợ vay ròng/vốn chủ sở hữu của NVL ở mức 79,9% vào cuối quý 1/2026 so với 82,4% vào cuối năm 2025 (so với mức 107% đã báo cáo trước đó cho cuối năm 2025 trong báo cáo tài chính năm 2025, do phân loại lại một phần khoản phải thu ngắn hạn thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn có hiệu lực từ ngày 1/1/2026). Tính đến cuối quý 1/2026, tổng nợ vay của NVL tăng 2% so với đầu năm, đạt 69,0 nghìn tỷ đồng, trong đó trái phiếu doanh nghiệp giảm 5% xuống 23,8 nghìn tỷ đồng, trong khi các khoản vay ngân hàng và nợ vay khác tăng 6,5% lên 45,2 nghìn tỷ đồng. Nợ vay đáo hạn trong vòng 12 tháng đạt 32,3 nghìn tỷ đồng, bao gồm 13,3 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PTB: KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026 - Báo cáo KQKD

* CTCP Phú Tài (PTB) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+29% YoY; tương đương 27% dự báo năm tài chính 2026) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 150 tỷ đồng (+33% YoY; tương đương 37% dự báo năm tài chính 2026). KQKD nhìn chung tích cực hơn kỳ vọng, qua đó cho thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo năm 2026 của chúng tôi, nhờ (i) việc trì hoãn áp thuế sang năm 2027 của Mỹ đối với gỗ và sản phẩm gỗ (chưa được phản ánh trong dự báo hiện tại) và (ii) tiến độ bàn giao BĐS nhanh hơn dự kiến.

*** Màng gỗ:**

- Doanh thu tăng 26% YoY lên mức 1,3 nghìn tỷ đồng (30% dự báo năm tài chính 2026), nhờ được thúc đẩy bởi nhu cầu đồ gỗ cốt lõi ổn định và đóng góp sớm từ màng viên nén gỗ (bắt đầu vận hành từ giữa quý 4/2025). Triển vọng đơn hàng vẫn duy trì tích cực, với lượng đơn hàng đã đủ đến hết quý 2/2026 và đã đang nhận đơn đặt hàng sang quý 3. Ban lãnh đạo đánh giá tác động từ thuế quan của Mỹ hiện ở mức có thể kiểm soát.

- Viên nén gỗ đang nổi lên là động lực tăng trưởng chính trong trung hạn. Công suất hiện tại đạt 90 nghìn tấn/năm, với kế hoạch mở rộng lên mức 500 nghìn tấn/năm trong hai năm tới, tương ứng với mức doanh thu tiềm năng là khoảng 2,5 nghìn tỷ đồng. Hoạt động xuất khẩu dự kiến bắt đầu từ quý 3/2026 sau khi được cấp chứng nhận FSC.

* Màng đá: Doanh thu tăng 19% YoY lên mức 457 tỷ đồng (20% dự báo năm tài chính 2026), nhờ được hỗ trợ bởi cả nhu cầu trong nước lẫn xuất khẩu. Trong bối cảnh cạnh tranh giá ngày càng gay gắt, PTB đang chủ động nâng cấp cơ cấu sản phẩm sang các dòng đá nhân tạo/thạch anh có biên lợi nhuận cao hơn nhằm bảo vệ khả năng sinh lời.

* BDS: Doanh thu tăng khoảng 3,5 lần YoY lên mức 107 tỷ đồng (59% dự báo năm tài chính 2026), nhờ việc tiếp tục bàn giao dự án Phú Tài Central Life.

* Biên lợi nhuận gộp: Trong quý 1/2026, biên lợi nhuận gộp đạt 21,1% (-31 điểm cơ bản YoY; so với mức 19,3% trong dự báo năm tài chính 2026). Biên lợi nhuận gộp màng gỗ duy trì tương đối ổn định ở mức 21,5% (-19 điểm cơ bản YoY; so với 17,5% trong dự báo năm tài chính 2026). Biên lợi nhuận gộp màng đá đã giảm xuống mức 25,3% (-2,3 điểm % YoY; so với 27,4% trong dự báo năm tài chính 2026). Trong thời gian tới, chúng tôi lưu ý sẽ có áp lực biên lợi nhuận trong ngắn hạn do chi phí đầu vào tăng khoảng 5-6% (với nguyên nhân xuất phát từ tác động từ căng thẳng tại Trung Đông). Do đó, khả năng duy trì biên lợi nhuận sẽ phụ thuộc vào việc PTB có thể chuyển phần chi phí tăng thêm này sang cho khách hàng hay không. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SIP: Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP) báo cáo KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (+12% YoY, -6% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 334 tỷ đồng (-5% YoY, +4% QoQ). Chúng tôi cho rằng kết quả lợi nhuận thấp hơn cùng kỳ chủ yếu do thu nhập tài chính giảm, vì quý 1/2025 được hưởng lợi từ các khoản lãi thoái vốn bất thường cao hơn. Kết quả này phù hợp với các số liệu sơ bộ mà ban lãnh đạo đã công bố tại ĐHCĐ (xem thêm thông tin chi tiết tại [Báo cáo ĐHCĐ SIP](#) của chúng tôi phát hành ngày 21/4).

* Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 là 1,4 nghìn tỷ đồng (+6% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết, do lợi nhuận quý 1/2026 đạt 24% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, hoạt động cho thuê đất KCN mạnh hơn dự kiến có thể mang lại tiềm năng điều chỉnh tăng cho các giả định cho thuê đất KCN của chúng tôi.

* **Màng KCN:** Chúng tôi ước tính dòng tiền từ màng KCN quý 1/2026 đạt 622 tỷ đồng (+46% YoY), hoàn thành 40% dự báo cả năm. Doanh thu màng KCN quý 1/2026 về cơ bản ổn định so với cùng kỳ vì SIP ghi nhận doanh thu bán đất KCN theo phương pháp phân bổ. Theo ban lãnh đạo, SIP đã cho thuê khoảng 35 ha đất KCN (chưa bao gồm KCN Lộc An – Bình Sơn) và 10.000 m2 nhà xưởng xây sẵn chỉ riêng trong quý 1/2026, khởi đầu khả quan so với dự báo 46 ha cho năm 2026 của chúng tôi và 29 ha đạt được trong năm 2025.

* **Màng tiện ích KCN:** Lợi nhuận gộp màng này trong quý 1/2026 tăng 5% YoY lên 233 tỷ đồng, đạt 24% dự báo cả năm.

* **Màng bất động sản nhà ở:** Lợi nhuận gộp màng này trong quý 1/2026 đạt 25 tỷ đồng (so với không ghi nhận doanh thu trong quý 1/2025), chủ yếu từ hoạt động bán hàng và bàn giao đang diễn ra tại dự án Phước Đồng (tổng diện tích đất 247 ha; Tây Ninh). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TPB: Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu - Báo cáo KQKD & ĐHCĐ

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB) công bố KQKD quý 1/2026, với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 4,9 nghìn tỷ đồng (+9,3% YoY) và LNTT đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ), cả hai đều hoàn thành 23% dự báo cả năm của chúng tôi. So với quý trước, TOI và LNTT quý 1/2026 giảm lần lượt 9% và 33%, do áp lực NIM tiếp tục duy trì và lỗ trong các hoạt động ngoại hối và kinh doanh chứng khoán. LNTT quý 1/2026 hoàn thành 20% kế hoạch cả năm của ngân hàng là 1,3 nghìn tỷ đồng (+12% YoY). Nhìn chung, KQKD quý 1/2026 của TPB phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

1. Tăng trưởng tín dụng:

* Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 đạt 2,7%, thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng toàn hệ thống là 3,2%. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi mức tăng 3,3% trong dư nợ cho vay khách hàng, trong khi số dư trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục giảm. Trong mảng cho vay khách hàng, dư nợ bán lẻ tăng 1,4% so với đầu năm (YTD) và dư nợ doanh nghiệp tăng 5,1% YTD. Đáng chú ý, cho vay các chủ đầu tư bất động sản vẫn là động lực tăng trưởng chính, tăng 17,5% YTD và chiếm 12% tổng dư nợ cho vay của TPB.

* TPB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khá thận trọng ở mức 15% cho năm 2026. Tại ĐHCĐ, ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng việc giải ngân vốn vay có thể sẽ gặp thách thức, đặc biệt là trong phân khúc bất động sản, do hướng dẫn quy định chặt chẽ hơn từ NHNN, trong đó giới hạn tăng trưởng tín dụng bất động sản so với tăng trưởng tín dụng chung của ngân hàng. Hạn chế này có thể ảnh hưởng đến khả năng duy trì tốc độ giải ngân tín dụng mạnh mẽ của TPB vào phân khúc bất động sản trong các quý tới.

2. Tăng trưởng huy động:

* Tiền gửi khách hàng giảm 4,3% YTD trong quý 1/2026 và tổng tăng trưởng nguồn vốn (bao gồm tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) giảm 3,3% YTD. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng nguồn vốn mạnh mẽ 20,9% YoY trong năm 2025, chúng tôi cho rằng sự sụt giảm trong quý 1 không gây ra rủi ro thanh khoản đáng kể. Chúng tôi ước tính tỷ lệ cho vay/tiền gửi (LDR) quý 1/2026 của TPB ở mức 69,1%, thấp hơn nhiều so với mức trần quy định là 85%.

* Đối với năm 2026, ban lãnh đạo đặt kế hoạch tăng trưởng tổng nguồn vốn là 16%.

* Tỷ lệ CASA của TPB giảm xuống 20,0% trong quý 1/2026 (-2,6 điểm % QoQ và -0,3 điểm % YoY), do môi trường lãi suất cao hơn. Xu hướng này nhìn chung tương đồng với các ngân hàng khác trong danh mục theo dõi của chúng tôi.

3. NIM:

* NIM quý 1/2026 giảm 65 điểm cơ bản YoY xuống 2,83%. NIM giảm 19 điểm cơ bản QoQ do chi phí vốn cao hơn (+19 điểm cơ bản QoQ) và lợi suất tài sản sinh lãi thấp hơn (-4 điểm cơ bản QoQ). Chất lượng tài sản yếu hơn đã góp phần làm giảm lợi suất tài sản sinh lãi trong quý.

4. Thu nhập ngoài lãi (NOII):

* NOII quý 1/2026 đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+31% YoY), nhờ hiệu quả hoạt động mạnh mẽ liên tục của thu nhập từ phí thuần (+38% YoY), bù đắp cho khoản lỗ trong hoạt động ngoại hối và đầu tư. Theo ban lãnh đạo, sự tăng trưởng bền vững của thu nhập từ phí cốt lõi trong bốn năm qua chủ yếu được hỗ trợ bởi các dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh.

* Tại ĐHCĐ năm 2026, cổ đông đã thông qua việc thành lập công ty con bảo hiểm phi nhân thọ với vốn điều lệ 400 tỷ đồng, nhằm đa dạng hóa các dòng thu nhập từ phí và nâng cao các sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

5. Chất lượng tài sản:

* Chất lượng tài sản suy yếu trong quý 1/2026, với tỷ lệ nợ xấu tăng 110 điểm cơ bản QoQ lên 2,38% (+11 điểm cơ bản YoY) và nợ nhóm 2 tăng 81 điểm cơ bản QoQ lên 2,46% (+25 điểm cơ bản YoY). Hệ quả là, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của TPB giảm xuống còn 68,4% từ mức 92,2% trong quý trước. Chúng tôi cho rằng các xu hướng này cho thấy nhu cầu trích lập dự phòng cao hơn trong các quý tới.

* Tại ĐHĐCĐ năm 2026, ban lãnh đạo đặt mục tiêu tỷ lệ nợ xấu năm 2026 dưới 2,5% (theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN), so với mức 0,96% trong quý 4/2025.

6. Các vấn đề khác:

* Bà Đỗ Quỳnh Anh, con gái ông Đỗ Anh Tú (cựu Phó Chủ tịch TPB), và bà Nguyễn Thị Hương Trang, nguyên là nhân sự tại Diana Unicharm (công ty do ông Đỗ Anh Tú sáng lập), đã được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị TPB nhiệm kỳ 2023–2028. Điều này cho thấy gia đình ông Đỗ Anh Tú tiếp tục duy trì ảnh hưởng đáng kể tại TPB.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch cổ tức và ESOP của TPB, bao gồm (1) cổ tức bằng tiền mặt 5% (500 đồng/cổ phiếu, tương đương tỷ suất cổ tức 3,1%), (2) cổ tức bằng cổ phiếu 15%, và (3) phát hành 100 triệu cổ phiếu ESOP. ESOP chiếm 3,13% tổng số cổ phiếu đang lưu hành sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu và có giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 27% so với giá cổ phiếu tại ngày 4/5/2026, sau khi điều chỉnh cổ tức. Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong hai năm, với 50% số cổ phần được quyền sở hữu sau năm thứ nhất và 50% còn lại sau năm thứ hai. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VEA: Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (VEA) công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+22% YoY) và LNST sau lợi ích CBTS đạt 1,7 nghìn tỷ đồng (+38% YoY). Kết quả này lần lượt đạt 28% và 24% dự báo cả năm tương ứng của chúng tôi và phù hợp với kỳ vọng.

* Trong quý 1/2026, lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng mạnh 39% YoY, trong khi lợi nhuận ngoài HĐKD tăng 25% YoY (chủ yếu nhờ đà cải thiện tích cực của thu nhập tài chính thuần), qua đó giúp lợi nhuận trước thuế tăng 38% YoY. Kết quả này được hỗ trợ bởi đà tăng trưởng lợi nhuận vững chắc tại tất cả các công ty liên kết. Honda Việt Nam ghi nhận mức tăng lợi nhuận 37% YoY dù doanh số xe hơi (4W) giảm 8% YoY. Chúng tôi cho rằng điều này là nhờ sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang các dòng xe có biên lợi nhuận cao (như CR-V, Civic), cùng với sự sụt giảm doanh số mang tính cấu trúc ở các phân khúc xe phổ thông thấp hơn (như HR-V, BR-V) và sự hỗ trợ từ tăng trưởng doanh số xe máy (2W) (+3% YoY). Lợi nhuận của Toyota tăng mạnh 157% YoY nhờ doanh số quý 1 tăng 39% YoY và tỷ trọng xe hybrid cao hơn trong cơ cấu bán hàng. Ford và các công ty liên kết khác đạt mức tăng trưởng 8% YoY, nhờ doanh số bán lẻ xe du lịch của Ford tăng 61% YoY, được thúc đẩy bởi các dòng SUV như Everest và Territory. Tuy nhiên, doanh số xe bán tải Ford Ranger đi ngang đã phần nào kìm hãm đà tăng này, qua đó phản ánh những lo ngại trước đó về quy định phân loại phương tiện và khả năng hạn chế xe bán tải đi vào nội đô Hà Nội. Những lo ngại này sau đó đã được xoa dịu khi có thông tin làm rõ rằng xe bán tải được phân loại riêng biệt so với các phương tiện tải nặng khác chịu hạn chế theo khung giờ theo Quyết định 52/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực từ cuối tháng 4/2026.

* Về tình hình bán lẻ, tổng doanh số xe du lịch toàn ngành (bao gồm cả VinFast) tăng mạnh 34% YoY trong quý 1/2026 (theo VAMA, Hyundai Thành Công và VinFast). Trong đó, doanh số xe du lịch động cơ đốt trong (ICE) tăng 23% YoY, đạt 25% dự báo cả năm và sát với kỳ vọng của chúng tôi. Đà tăng trưởng mạnh mẽ trong quý 1 đến từ sự phục hồi của nhu cầu tiêu dùng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các dòng xe điện (EV) của VinFast. Để ứng phó, các hãng xe ICE đã đẩy mạnh chương trình khuyến mãi và xả kho với mức giảm giá trung bình khoảng 10–15%, cùng với việc đại lý hỗ trợ 50–100% lệ phí trước bạ, theo quan sát của chúng tôi về các chương trình ưu

đãi tại đại lý ủy quyền. Ở phân khúc xe máy (2W), doanh số của Honda tăng trưởng khiêm tốn ở mức 3% YoY trong quý 1/2026. Dù đạt 33% dự báo cả năm và cao hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi, mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn mức tăng chung 8,3% YoY của toàn thị trường (theo VAMM, không bao gồm VinFast), qua đó cho thấy áp lực cạnh tranh đang gia tăng đối với danh mục xe phổ thông của Honda. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VHC: Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo - Báo cáo KQKD

* CTCP Vĩnh Hoàn (VHC) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu thuần đạt 3 nghìn tỷ đồng (+12% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 266 tỷ đồng (+38% YoY), lần lượt đạt 20% và 15% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù có sự hồi phục mạnh mẽ so với cùng kỳ năm ngoái, lợi nhuận thực tế vẫn thấp hơn mức kỳ vọng của chúng tôi; do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với các dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá toàn diện.

* Theo Agromonitor, tổng sản lượng xuất khẩu trong quý 1/2026 giảm 4% YoY, chủ yếu do sự sụt giảm mạnh tại thị trường Trung Quốc (-70% YoY), trong khi sản lượng xuất khẩu sang các thị trường thay thế khác nhìn chung đi ngang. Trong bối cảnh nguồn cung cá nguyên liệu bị hạn chế, VHC tiếp tục tái cơ cấu lượng hàng xuất khẩu sang các thị trường chiến lược có ASP cao hơn; cụ thể, sản lượng xuất khẩu sang Mỹ tăng 6% YoY. Tuy nhiên, mức tăng này không đủ để bù đắp hoàn toàn cho sự sụt giảm tại Trung Quốc (vốn có mức nền so sánh cao trong năm 2025).

* Biên lợi nhuận gộp tăng thêm 1,9 điểm phần trăm YoY, nhờ giá bán trung bình (ASP) cao (+5% YoY trong quý 1/2026) và việc chủ động tái phân bổ sản lượng sang các thị trường và sản phẩm có ASP cao hơn của công ty. Trong khi đó, chi phí đầu vào đã bắt đầu tăng trong quý 1, với giá thức ăn thủy sản ước tính đã tăng khoảng 5% so với cuối năm 2025 (theo Agromonitor). Điều này cho thấy mức tăng biên lợi nhuận trong quý 1 chủ yếu được hỗ trợ bởi giá bán và cơ cấu thị trường/sản phẩm, trong khi áp lực lạm phát chi phí đang ngày càng hiện hữu. Ngoài ra, thu nhập tài chính ròng tăng mạnh 46% YoY nhờ chi phí tài chính giảm sâu, qua đó hỗ trợ lợi nhuận ròng của VHC. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VIB: NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) công bố KQKD quý 1/2026, với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 5,86 nghìn tỷ đồng (+27,4% YoY) và LNTT đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (+15,8% YoY), lần lượt hoàn thành 24% và 23% dự báo cả năm của chúng tôi. So với quý trước, TOI và LNTT quý 1/2026 tăng lần lượt 11% và 36,2%. Nhìn chung, KQKD quý 1/2026 của VIB rất khả quan về thu nhập ngoài lãi (NOII) và tối ưu hóa chi phí hoạt động (OPEX). Tuy nhiên, với NIM liên tục giảm và tăng trưởng tín dụng yếu, trong khi phần lớn thu nhập ròng từ phí (NFI) đến từ khoản thu nhập phí một lần từ mảng thẻ, kết quả của VIB đặt ra rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận của chúng tôi.

* Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 đạt 1,1%, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 3,18%. Phân khúc khách hàng doanh nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng chính (+7,2% QoQ trong quý 1/2026) trong khi tăng trưởng phân khúc bán lẻ ở mức -1,5% QoQ. Trong phân khúc doanh nghiệp, (1) các khoản vay dịch vụ tài chính tiếp tục đạt kết quả khả quan so với các ngành khác với mức tăng 7,2% QoQ và (2) dư nợ cho vay các nhà phát triển bất động sản cũng tăng đáng kể (+13,8% QoQ), chiếm 2/3 mức tăng trưởng tín dụng của VIB trong ba tháng đầu năm.

* Tăng trưởng tiền gửi khách hàng quý 1/2026 đạt mức cao 7,4%, trong khi tổng tăng trưởng nguồn vốn (bao gồm tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) là 6,5%. Đáng chú ý, sau khi giảm đáng kể vào quý 4/2025, số dư tiền gửi khách hàng của ngân hàng đã quay trở lại với mức tăng mạnh ở cả khách hàng bán lẻ và doanh nghiệp (lần lượt +3,3% QoQ và +15% QoQ). Ngoài ra, tỷ lệ CASA quý 1/2026 của VIB giảm 43 điểm cơ bản QoQ xuống 14,2%.

* NIM quý 1/2026 của VIB tiếp tục giảm 11 điểm cơ bản YoY xuống mức 2,94%, thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi là 3,33% cho năm 2026. Sau ba quý liên tiếp NIM ổn định (quý 2/2025 đến quý 4/2025), NIM của ngân hàng lại chứng kiến mức giảm 17 điểm cơ bản QoQ trong quý 1/2026. Nguyên nhân chính dẫn đến sự thu hẹp NIM quý này đến từ (1) chi phí vốn (COF) tăng mạnh 40 điểm cơ bản QoQ, là kết quả của việc đưa ra lãi suất cao để thu hút khách hàng, và (2) tăng trưởng tín dụng chậm lại bất chấp tăng trưởng nguồn vốn mạnh. Ngược lại, lợi suất tài sản sinh lãi (YEA) không đủ bù đắp với mức tăng chỉ 22 điểm cơ bản QoQ. Theo đó, thu nhập lãi thuần (NII) chỉ đạt 4,04 nghìn tỷ đồng (+8,1% YoY), thấp hơn 4,4% so với quý 4/2025 mặc dù dư nợ tín dụng cao hơn.

* NOII quý 1/2026 đạt 1,8 nghìn tỷ đồng (+110,8% YoY). Sự gia tăng mạnh mẽ của NOII đến hoàn toàn từ khoản thu nhập một lần từ phí thẻ (riêng phí thẻ thuần quý 1/2026 đạt 1,9 nghìn tỷ đồng, cao gấp 6 lần quý 1/2025), bù đắp cho khoản lỗ trong hoạt động kinh doanh ngoại hối và đầu tư.

* Chất lượng tài sản tiếp tục ổn định trong quý 1/2026. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ 3 điểm cơ bản QoQ và 85 điểm cơ bản YoY xuống 2,94%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ cho vay tăng nhẹ trở lại 16 điểm cơ bản QoQ lên 2,55%. Kể từ quý 2/2025, ngân hàng đã duy trì mức trích lập dự phòng tương đối với tỷ lệ chi phí tín dụng khoảng 1,3%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) vẫn duy trì ổn định ở mức 43,1% (+2 điểm cơ bản QoQ), một sự cải thiện lớn so với mức chỉ 31,0% trong quý 1/2025 nhờ cả việc tỷ lệ nợ xấu giảm và tăng cường bộ đệm dự phòng. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng tỷ lệ LLR này vẫn ở mức thấp so với các ngân hàng cùng ngành.

* Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) quý 1/2026 giảm mạnh xuống 31,6%, cải thiện 6,62 điểm % so với cùng kỳ năm ngoái. Sự cải thiện này của CIR chủ yếu nhờ TOI tăng mạnh và việc cắt giảm lương nhân viên do các quy trình số hóa.

* Về tỷ lệ an toàn theo quy định của cơ quan quản lý, hệ số an toàn vốn (CAR) theo phương pháp tiêu chuẩn Basel III vượt 12%, vượt đáng kể ngưỡng tối thiểu do NHN thiết lập. Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) ở mức 78%, trong khi tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn là 25%. Ngoài ra, tỷ lệ dư nợ tín dụng ổn định ròng (NFSR) đạt 105%, vượt tiêu chuẩn Basel III là trên 100%. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VJC: LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng - Báo cáo KQKD

* CTCP Hàng không Vietjet (VJC) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 21 nghìn tỷ đồng (+17% YoY; tương đương 18% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 1,0 nghìn tỷ đồng (+58% YoY; tương đương 20% dự báo cả năm của chúng tôi). Chúng tôi đang xem xét lại các dự báo đối với VJC, và thực hiện thêm các đánh giá chi tiết.

* Mảng vận tải cốt lõi:

- Doanh thu đạt 19 nghìn tỷ đồng (+8% YoY) trong quý 1/2026, nhờ được hỗ trợ bởi việc tiếp tục mở rộng mạng lưới đường bay và đà cải thiện hiệu quả vận hành. Đà tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi doanh thu quốc tế (+24% YoY), qua đó bù đắp cho mức giảm nhẹ 2% YoY của doanh thu trong nước và xu hướng đình đàng của doanh thu mảng phụ trợ.

- Thông lượng hành khách đạt 7,2 triệu lượt (+5% YoY), trong đó hành khách quốc tế đạt 2,6 triệu lượt (+8% YoY). Hệ số tải đạt 85,0% (+5,0 điểm % YoY).

* Doanh thu từ giao dịch bán và thuê lại tàu bay (SALB) đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (so với 0 đồng trong quý 1/2025 và 13,8 nghìn tỷ đồng trong quý 4/2025). Chúng tôi lưu ý rằng, riêng trong tháng 12/2025, VJC đã tiếp nhận 22 tàu bay, trong khi từ đầu năm 2026 đến nay, hãng đã nhận thêm 3 tàu bay A321neo, theo chia sẻ của ban lãnh đạo tại ĐHCĐ năm 2026.

* Trong quý 1/2026, biên lợi nhuận ròng tăng 1,2 điểm % YoY lên mức 4,8%. Dù biên lợi nhuận hoạt động giảm 45 bps YoY xuống mức 8,2%, lợi nhuận ròng vẫn được hỗ trợ bởi mức giảm 17% YoY của lãi/lỗ tài chính ròng.

* VJC tiếp tục củng cố năng lực đội bay và các tiêu chuẩn an toàn trong dài hạn. Trong quý 1/2026, công ty đã ký hợp đồng đặt mua động cơ GTF trị giá 5,4 tỷ USD với Pratt & Whitney cho 44 tàu bay Airbus A320neo, đồng thời ký các thỏa thuận tài trợ vốn cho 6 tàu bay Boeing 737-8 (khoảng 965 triệu USD). Ngoài ra, hãng cũng được Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) tái chứng nhận ISAGO cho hoạt động phục vụ mặt đất tại sân bay Nội Bài đến năm 2028, qua đó đảm bảo việc tuân thủ các tiêu chuẩn vận hành quốc tế. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VTP: LNST sau lợi ích CĐTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao - Báo cáo KQKD

*** KQKD quý 1/2026:**

- Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel (VTP) công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu thuần đạt 4,8 nghìn tỷ đồng (-6% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 39 tỷ đồng (-44% YoY). Doanh thu sụt giảm chủ yếu do việc tiếp tục thu hẹp quy mô mảng thương mại, trong khi lợi nhuận sụt giảm đáng kể phần lớn đến từ (1) chi phí nhiên liệu tăng cao trong bối cảnh căng thẳng Mỹ/Israel-Iran và (2) chi phí SG&A tăng 19% YoY. Mặc dù vậy, biên lợi nhuận gộp vẫn cải thiện nhẹ 0,1 điểm phần trăm YoY, qua đó phản ánh sự chuyển dịch dần về mặt cấu trúc sang mảng dịch vụ có biên lợi nhuận cao hơn. Điều này phù hợp với chiến lược của ban lãnh đạo nhằm giảm tỷ trọng mảng thương mại với mức biên lợi nhuận thấp xuống mức một chữ số trong tổng doanh thu vào năm 2030.

- Kết quả này lần lượt đạt 25% và 8% dự báo cả năm tương ứng của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo năm 2026 do chi phí SG&A cao hơn dự kiến và biên lợi nhuận yếu hơn kỳ vọng, dù cần thêm đánh giá toàn diện.

- Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (CFO) ghi nhận mức âm trong Q1/2026, đảo chiều so với mức dương tại thời điểm cùng kỳ năm trước, chủ yếu do doanh nghiệp đẩy mạnh thanh toán các khoản phải trả cho nhân viên và nhà cung cấp; tác động này được bù đắp phần nào nhờ cải thiện tiến độ thu hồi các khoản phải thu từ Tập đoàn Viettel.

*** KQKD theo từng mảng trong năm quý 1/2026:**

- Mảng dịch vụ:

+ Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng doanh thu dịch vụ đến từ đà tăng trưởng tích cực của sản lượng bưu kiện, được phản ánh qua tổng giá trị giao dịch trên bốn sàn thương mại điện tử hàng đầu Việt Nam (Shopee, Lazada, TikTok Shop và Tiki) tăng 20% YoY trong quý 1/2026 (theo Metric, một đơn vị nghiên cứu thị trường độc lập).

+ Biên lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ giảm 1,1 điểm phần trăm xuống còn 6,7% trong quý 1/2026. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân do giá xăng dầu tăng mạnh trong bối cảnh căng thẳng Mỹ/Israel-Iran, được phản ánh qua giá bán lẻ bình quân xăng RON-95 và dầu diesel tại Việt Nam lần lượt tăng 12% và 31% YoY.

- **Mảng thương mại:** Doanh thu giảm 41% YoY do VTP tiếp tục thu hẹp H&KD bán thẻ cào điện thoại. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt báo cáo trong ngày

TNG: Duy trì đà tăng trưởng giữa biến động vĩ mô - Báo cáo Công ty

Ngành	Dệt may		2023	2024	2025	2026E
Ngày báo cáo	4/5/2026	Tăng trưởng DT	4,8%	7,9%	13,6%	15,0%
Giá hiện tại	21.000 VND	Tăng trưởng EPS**	-25,7%	14,5%	49,3%	16,1%
Lợi suất cổ tức*	10%	Biên LN gộp	13,8%	15,4%	14,2%	14,7%
*dựa trên cổ tức 2025		Biên LN ròng	3,1%	4,1%	4,5%	4,6%
		EV/EBITDA	6,6x	5,2x	5,6x	5,4x
		ROE	12,6%	16,6%	19,6%	20,9%
		P/E***	12,1x	10,6x	7,1x	6,1x
GT vốn hóa	2,7 nghìn tỷ đồng			TNG	Peers	VNI
Room KN	729,1 tỷ đồng	P/E (trượt)****		6,4x	6,8x	17,4x
GTGD/ngày (30n)	46,7 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,4x	1,1x	2,2x
Cổ phần Nhà nước	0%	ROE (trượt)		20,5%	19,6%	14,1%
SL cổ phiếu lưu hành	128,7 triệu	ROA (trượt)		6,0%	7,6%	2,1%
điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi, *sử dụng giá CP hiện tại, ****chưa điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi						

* Năm 2026, chúng tôi kỳ vọng TNG tiếp tục hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển đơn hàng sang Việt Nam nhờ lợi thế thuế quan, đồng thời chiến lược đầu tư công nghệ bài bản sẽ hỗ trợ TNG cải thiện hiệu quả hoạt động.

* **Doanh thu 2026 qua đó dự báo đạt 10 nghìn tỷ đồng (+15% svck)**. Theo TNG, đơn hàng đã được lấp đầy đến tháng 10/2026 và chưa chịu tác động từ căng thẳng địa chính trị.

* Dù chịu áp lực từ chi phí nguyên vật liệu tăng cao và chi phí lãi vay trong bối cảnh TNG tiếp tục đầu tư mở rộng, biên LN kỳ vọng tiếp tục được cải thiện nhờ **(1)** khả năng tối ưu chi phí thông qua đầu tư máy móc và tự động hóa, **(2)** khoản tạm ứng bồi thường bảo hiểm sau lũ (xem trang 14). **LNST-CĐTS qua đó dự báo đạt 456 tỷ đồng (+16% svck) trong 2026.**

* **TNG hiện đang giao dịch ở mức P/E trượt 12T là 6,4 lần**, thấp hơn 6% so với trung vị P/E của các công ty cùng ngành trong khi có tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm dẫn đầu. Chúng tôi kỳ vọng định giá sẽ được hỗ trợ bởi triển vọng ngành tích cực và hiệu quả từ chiến lược đầu tư công nghệ của TNG. Chúng tôi ước tính P/E dự phóng 2026 của TNG là 6,1 lần. TNG cũng có lịch sử trả cổ tức tiền mặt đều đặn từ 800-2.000 đồng/CP từ 2021-2025 (DPS/EPS trung bình 61%).

* **Rủi ro đầu tư:** (1) Áp lực tài chính do tỷ lệ đòn bẩy cao, (2) Rủi ro vĩ mô & địa chính trị, (3) Rủi ro tập trung khách hàng.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	70	0,0	13.150	25.500	94%	0,0%	94%	KQ	17/01/25	37,2	8,8	15,1	1,1
DGC	Công nghiệp	43%	770	7,0	53.400	91.200	71%	5,6%	76%	MUA	02/03/26	7,1	6,8	15,1	1,3
KDH	Bất động sản	22%	1.065	4,4	25.000	43.700	75%	0,0%	75%	MUA	09/03/26	28,7	18,0	18,2	1,5
NLG	Bất động sản	9%	512	3,2	27.800	45.800	65%	1,4%	66%	MUA	09/03/26	16,2	20,1	18,2	1,1
HVN	Hàng không	22%	2.675	0,7	22.650	37.100	64%	0,0%	64%	KQ	22/07/25	9,7	8,1	21,1	6,8
FPT	CNTT	18%	4.765	25,4	73.700	116.600	58%	3,1%	61%	MUA	22/10/25	14,6	13,0	19,8	3,2
SZC	KCN	16%	188	0,7	27.500	42.400	54%	3,6%	58%	KQ	01/07/25	15,6	14,1	18,2	1,5
BMI	Bảo hiểm	22%	87	0,3	15.150	23.100	52%	3,3%	56%	MUA	12/04/24	10,1	6,0	12,9	0,8
VGC	KCN	47%	732	1,5	43.000	64.100	49%	5,1%	54%	MUA	21/10/25	13,7	12,3	15,0	2,2
PC1	Điện & Nước	34%	309	7,6	19.800	30.500	54%	0,0%	54%	MUA	02/02/26	8,4	7,5	15,0	1,3
SSI	Chứng khoán	68%	2.619	26,2	27.700	40.800	47%	3,6%	51%	KQ	27/08/25	14,0	15,1	18,7	1,8
PLC	Dầu khí	48%	68	0,3	22.100	31.900	44%	4,5%	49%	MUA	12/09/25	131,5	7,1	15,1	1,4
PVS	Dầu khí	33%	763	6,6	39.300	58.100	48%	0,0%	48%	MUA	26/02/26	13,8	13,2	19,2	1,3
TV2	Điện & Nước	7%	89	0,7	34.850	49.000	41%	2,9%	43%	MUA	22/04/26	39,6	13,9	12,3	1,8
PVT	Dầu khí	36%	397	6,1	22.250	30.800	38%	4,5%	43%	MUA	13/03/26	10,5	7,2	12,3	1,2
VPB	Ngân hàng	5%	8.116	18,7	26.950	38.000	41%	1,9%	43%	MUA	19/11/25	8,9	7,0	12,2	1,2
DCM	Phân bón	39%	845	7,1	42.050	57.600	37%	4,8%	42%	MUA	10/03/26	12,4	8,0	15,1	1,9
HDG	Điện & Nước	30%	363	2,6	25.850	36.200	40%	0,0%	40%	MUA	23/03/26	14,0	11,5	18,2	1,4
ACG	Gỗ	12%	194	0,0	33.950	45.800	35%	5,0%	40%	MUA	15/07/25	10,7	8,5	15,8	1,2
BMP	VLXD	20%	466	1,2	150.000	192.500	28%	10,7%	39%	MUA	12/11/25	10,1	8,8	15,0	3,9
GEX	Điện & Nước	43%	1.346	15,6	39.300	54.000	37%	1,3%	39%	MUA	30/12/25	23,1	25,9	12,3	1,8
BWE	Điện & Nước	46%	361	1,2	43.300	58.700	36%	3,0%	39%	MUA	02/02/26	11,6	10,5	11,5	1,5
ACB	Ngân hàng	3%	4.504	10,1	23.100	32.000	39%	0,0%	39%	MUA	05/03/26	7,7	6,3	12,2	1,2
MCH	Bán lẻ	85%	6.707	1,4	136.500	181.700	33%	4,4%	38%	PHTT	28/11/25	26,5	23,1	14,6	10,3
MBB	Ngân hàng	0%	7.980	16,5	26.100	35.000	34%	1,9%	36%	MUA	13/03/26	8,4	6,6	12,2	1,5
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.305	1,5	47.350	59.000	25%	10,6%	35%	MUA	06/01/26	14,1	13,5	14,6	2,7
NT2	Điện & Nước	37%	267	0,9	24.400	30.300	24%	10,2%	34%	MUA	26/02/26	7,3	6,6	11,5	1,4

HPG	VLXD	26%	8.041	40,3	27.600	36.600	33%	1,8%	34%	MUA	04/04/26	14,2	10,0	15,8	1,5
MSN	Bán lẻ	75%	4.215	18,9	76.800	101.200	32%	0,0%	32%	MUA	21/05/25	27,0	26,2	12,3	3,0
TLG	Văn phòng phẩm	89%	184	0,4	50.100	61.900	24%	7,0%	31%	MUA	12/09/25	10,7	8,1	9,4	2,0
HDC	Bất động sản	47%	144	2,1	19.050	24.600	29%	0,0%	29%	KQ	09/01/26	6,0	12,2	18,2	1,3
GMD	GTVT	7%	1.216	5,3	75.100	93.900	25%	3,1%	28%	MUA	26/02/26	20,3	13,3	12,3	2,3
REE	Điện & Nước	0%	1.258	3,4	61.200	76.900	26%	1,6%	27%	MUA	22/04/26	13,1	11,5	12,3	1,6
TCB	Ngân hàng	0%	9.024	19,7	33.550	41.500	24%	3,6%	27%	MUA	04/03/26	9,4	8,0	12,2	1,3
CTG	Ngân hàng	5%	10.421	9,7	35.350	44.900	27%	0,0%	27%	MUA	10/03/26	9,1	7,9	12,2	1,5
PVD	Dầu khí	38%	670	6,0	31.750	40.300	27%	0,0%	27%	MUA	09/04/26	19,6	15,8	19,2	1,1
HDB	Ngân hàng	5%	5.035	20,2	26.500	33.000	25%	1,9%	26%	MUA	06/03/26	7,4	6,3	12,2	1,7
QTP	Điện & Nước	-1%	212	0,4	12.400	14.600	18%	8,1%	26%	MUA	10/12/25	5,5	8,5	11,5	1,0
GAS	Dầu khí	47%	7.006	4,4	76.500	93.600	22%	3,3%	26%	MUA	14/04/26	16,5	15,0	11,5	2,7
POW	Điện & Nước	47%	1.549	6,3	13.300	16.700	26%	0,0%	26%	MUA	27/03/26	16,7	16,9	11,5	1,2
IDC	KCN	32%	651	3,9	45.200	54.600	21%	4,4%	25%	MUA	17/03/26	9,0	8,6	18,2	2,7
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	640	0,2	46.100	53.400	16%	8,7%	25%	KQ	30/08/24	8,8	6,6	14,6	1,6
DPM	Phân bón	44%	672	5,3	26.050	31.200	20%	4,6%	24%	PHTT	10/03/26	19,9	11,7	15,1	1,5
KBC	KCN	40%	1.231	5,0	34.450	42.500	23%	0,0%	23%	MUA	13/03/26	15,1	10,9	18,2	1,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.831	10,7	60.900	70.300	15%	6,6%	22%	MUA	24/04/25	13,5	14,5	14,6	3,9
VCB	Ngân hàng	10%	19.251	19,1	60.700	73.500	21%	0,7%	22%	MUA	17/03/26	15,6	12,9	12,2	2,2
FRT	Bán lẻ	17%	957	2,6	148.000	178.800	21%	0,7%	21%	MUA	13/11/25	31,8	22,4	11,8	5,7
DXG	Bất động sản	30%	654	9,9	15.500	18.700	21%	0,0%	21%	MUA	06/04/26	74,5	77,9	18,2	1,2
MWG	Bán lẻ	0%	4.732	22,6	84.900	101.000	19%	1,2%	20%	MUA	14/10/25	17,7	15,0	11,8	3,5
BID	Ngân hàng	12%	11.288	11,9	40.850	48.800	19%	0,0%	19%	MUA	01/04/26	10,7	9,7	12,2	1,6
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	526	2,0	61.700	71.600	16%	3,2%	19%	MUA	26/01/26	10,1	7,8	14,6	1,4
AST	DV Hàng không	3%	121	0,0	70.800	80.600	14%	4,9%	19%	MUA	26/08/25	12,7	12,3	11,8	4,6
SIP	KCN	47%	557	1,2	60.600	69.800	15%	3,3%	18%	MUA	22/12/25	11,8	11,3	18,2	2,7
DHC	Công nghiệp	15%	130	0,4	35.500	40.100	13%	3,7%	17%	MUA	16/12/25	8,7	8,5	15,8	1,6
PPC	Điện & Nước	44%	121	0,2	9.920	11.000	11%	5,0%	16%	KQ	10/12/25	19,5	9,8	11,5	0,7
CTR	CNTT	44%	369	1,0	85.100	96.800	14%	1,8%	16%	KQ	14/04/26	16,2	13,9	15,0	4,4
TDM	Điện & Nước	49%	244	1,1	57.900	65.300	13%	2,6%	15%	KQ	02/02/26	33,3	31,2	11,5	2,4

VIB	Ngân hàng	0%	2.087	5,7	16.150	18.500	15%	0,0%	15%	KQ	23/05/25	7,5	6,2	12,2	1,1
ACV	Hàng không	47%	5.969	1,1	44.000	50.100	14%	0,0%	14%	PHTT	06/04/26	14,4	13,8	12,3	2,2
PNJ	Bán lẻ	1%	1.327	5,3	68.300	75.600	11%	2,9%	14%	MUA	07/11/25	13,3	14,9	9,4	2,4
PHR	Công nghiệp	35%	329	0,5	64.000	71.300	11%	2,1%	14%	MUA	25/03/26	18,8	9,2	15,1	2,0
HSG	VLXD	45%	383	2,5	12.500	13.500	8%	4,0%	12%	PHTT	18/04/25	12,4	13,2	15,8	0,0
DPG	Điện & Nước	30%	201	1,1	44.700	48.700	9%	2,2%	11%	MUA	06/01/26	11,3	6,8	15,0	2,4
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4.799	13,3	25.250	27.000	7%	2,8%	10%	PHTT	18/03/26	24,4	7,7	19,2	1,8
F88	Tài chính TT	42%	664	0,5	153.700	168.000	9%	0,0%	9%	KQ	21/01/26	23,5	17,1	#N/A	7,1
PLX	Xăng dầu	6%	1.866	5,3	38.700	41.100	6%	3,1%	9%	MUA	13/10/25	20,1	16,8	19,2	1,9
SCS	DV Hàng không	19%	188	0,3	52.200	51.200	-2%	10,5%	9%	PHTT	13/01/26	6,6	7,1	21,1	3,0
PTB	Công nghiệp	9%	152	0,3	50.000	52.000	4%	4,2%	8%	KQ	06/10/25	6,7	8,7	15,8	1,1
VEA	Ô-tô	48%	1.683	0,3	33.400	30.800	-8%	14,4%	7%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	12,3	1,6
DGW	Bán lẻ	25%	365	2,7	43.500	45.400	4%	1,1%	6%	PHTT	18/11/25	17,5	15,5	11,8	2,7
DXS	Bất động sản	43%	173	0,8	7.870	8.300	5%	0,0%	5%	KQ	06/04/26	14,4	13,5	18,2	0,7
NVL	Bất động sản	43%	1.620	19,8	19.100	20.000	5%	0,0%	5%	MUA	01/10/25	22,2	106,7	18,2	0,9
VTP	GTVT	45%	446	1,6	68.000	69.000	1%	2,2%	4%	PHTT	06/09/24	23,8	20,0	12,3	6,7
TPB	Ngân hàng	5%	1.716	4,9	16.300	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	6,0	12,2	1,0
VRE	Bất động sản	37%	2.907	8,7	33.700	30.700	-9%	0,0%	-9%	KQ	30/03/26	11,9	14,0	18,2	1,5
NKG	VLXD	45%	245	2,6	14.400	13.100	-9%	0,0%	-9%	PHTT	18/04/25	32,7	11,1	15,8	0,8
OIL	Dầu khí	6%	573	1,6	14.500	12.700	-12%	0,7%	-12%	KQ	17/10/25	35,4	32,0	19,2	1,4
VHM	Bất động sản	42%	22.138	40,8	142.000	122.600	-14%	0,0%	-14%	KQ	30/03/26	13,9	13,5	18,2	2,2
LPB	Ngân hàng	4%	5.329	3,4	47.000	39.300	-16%	2,1%	-14%	KKQ	18/11/25	12,4	13,0	12,2	2,8
GVR	Công nghiệp	12%	5.473	4,0	36.050	30.500	-15%	1,1%	-14%	KQ	31/12/25	25,6	23,6	15,1	2,5
STB	Ngân hàng	18%	4.737	19,9	66.200	55.400	-16%	0,0%	-16%	KQ	08/12/25	21,0	10,7	12,2	2,0
BVH	Bảo hiểm	22%	1.978	2,0	70.200	56.900	-19%	1,3%	-18%	KQ	26/05/25	17,6	16,7	12,9	2,1
VJC	Hàng không	24%	4.040	15,0	179.900	114.000	-37%	0,0%	-37%	KQ	15/03/24	50,1	20,1	21,1	4,1
VIC	Bất động sản	45%	62.009	42,8	212.000	101.600	-52%	0,0%	-52%	BÁN	30/03/26	139,5	144,0	18,2	11,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.122	2.637	18	14,8	11,7	10,0	15,0	1,7	22,6	17,6	14,6	1,9	2,9%
KHẢ QUAN	20	51.992	2.600	7	17,5	15,1	13,2	14,2	2,2	24,8	19,4	14,8	2,4	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	21.458	2.146	0	18,9	16,7	12,0	19,4	N/A	28,9	18,4	13,0	3,0	4,4%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.329	5.329	0	15,2	12,4	13,0	10,4	2,8	15,2	12,4	13,0	2,8	2,1%
BÁN	1	62.009	62.009	1	132,5	139,5	144,0	66,9	11,0	132,5	139,5	144,0	11,0	0,0%
TỔNG CỘNG	84	277.910	3.308	26	19,6	16,1	13,7	16,4	N/A	25,1	19,5	16,0	2,3	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.487	7.457	11	11,8	10,2	8,5	12,4	1,6	11,3	10,4	8,4	1,6	1,0%
Bảo hiểm	2	2.065	1.032	1	23,1	17,0	15,5	14,3	1,9	17,4	13,8	11,3	1,4	2,3%
Chứng khoán	1	2.619	2.619	1	22,2	14,0	15,1	20,6	1,8	22,2	14,0	15,1	1,8	3,6%
Tài chính thay thế	1	664	664	0	48,2	23,5	17,1	25,7	7,1	48,2	23,5	17,1	7,1	0,0%
Tiêu dùng	13	28.841	2.219	4	18,6	16,1	15,1	19,6	3,4	24,1	16,4	14,4	3,5	4,8%
CNTT	1	4.765	4.765	1	17,2	14,6	13,0	23,0	3,2	17,2	14,6	13,0	3,2	3,1%
Bất động sản	9	91.222	10.136	2	58,4	37,0	37,8	23,1	4,3	40,6	36,4	46,7	2,4	0,2%
Vật liệu	4	9.135	2.284	1	17,4	14,0	10,1	18,3	N/A	14,3	17,3	10,8	1,6	4,1%
Điện & Nước	12	6.320	527	1	21,7	14,0	13,1	18,2	1,4	28,9	16,9	13,4	1,5	3,1%
Dầu khí	10	17.659	1.766	2	25,4	18,4	11,4	21,6	1,9	37,1	30,4	13,5	1,6	2,8%
Công nghiệp	5	1.317	263	0	8,8	7,9	7,4	12,2	1,3	14,3	14,1	8,2	1,2	3,7%
Khu công nghiệp	7	9.162	1.309	1	26,1	18,4	15,9	18,7	2,2	26,4	15,7	12,9	2,1	2,8%
GTVT & Logistics	7	14.655	2.094	1	14,6	16,5	13,2	18,0	3,1	20,0	19,7	13,5	4,2	3,0%
TỔNG CỘNG	84	277.910	3.308	26	19,6	16,1	13,7	16,4	N/A	25,1	19,5	16,0	2,3	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW	88%			PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng
FPT	14%			MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
FRT	71%			MUA	Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng
MSN (2)	101%	42%		MUA	Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử
MCH	12%	15%		PHTT	Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số
MWG	76%	18%		MUA	LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2.9%
PNJ	117%			MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026
QNS	0%	33%		KQ	Triển vọng mảng sữa thực vật khả quan bù đắp cho chu kỳ giảm của ngành đường
SAB		5%		MUA	
TLG		0%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	

VNM	25%	6%	MUA	Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026
GTVT & Logistics				
ACV		4%	PHTT	
AST		6%	MUA	
GMD (2)		31%	MUA	
HVN		19%	PHTT	
SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		19%	PHTT	
Bất động sản				
DXG	-37%	-4%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm
DXS	374%	7%	MUA	Lợi nhuận tăng mạnh trong quý 1, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDC	277%	-51%	KQ	KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bàn giao BĐS cải thiện
NVL		-79%	MUA	
KDH	130%	59%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng 131% YoY nhờ thu nhập khác ròng bất thường
NLG	-51%	-20%	MUA	Doanh số bán BĐS 4T2026 tăng 36% YoY, LNST sau lợi ích CĐTS Q1 2026 giảm 37% YoY do thời điểm bàn giao
VHM	850%	3%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS và doanh số bán BĐS ghi nhận tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ trong quý 1/2026, được thúc đẩy bởi giao dịch bán lẻ lớn tại Green Paradise, Ocean Park 2&3
VIC	2%	-3%	BÁN	Lợi nhuận mảng BĐS tăng trưởng mạnh, mảng khách sạn nghỉ dưỡng cải thiện, khoản tài trợ từ Chủ tịch hỗ trợ LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026
VRE	36%	-15%	KQ	Lợi nhuận cho thuê bán lẻ duy trì ổn định; chuyển nhượng BĐS đầu tư không cốt lõi và doanh thu tài chính thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026
Khu công nghiệp				
GVR	90%	9%	KQ	Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác ròng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	-21%	4%	MUA	Lợi nhuận quý 1/2026 giảm so với cùng kỳ do lượng bàn giao đất KCN thấp hơn nhưng dòng tiền từ KCN vẫn duy trì ổn định
KBC	-77%	39%	MUA	Lợi nhuận quý 1/2026 giảm do bàn giao đất KCN thấp hơn; backlog chưa ghi nhận doanh thu vẫn ở mức cao
PHR	192%	103%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiến đến bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
SIP	-5%	4%	MUA	Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng
SZC	-88%	11%	KQ	Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		26%	MUA	

BMP		15%	MUA	
DGC		23%	MUA	
DHC		3%	MUA	
HPG		41%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)	20%	9%	MUA	KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo
GEX			MUA	
HDG			KQ	
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1		12%	MUA	
POW	170%	-1%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng
PPC	83%	99%	KQ	LNST cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026
QTP	14%	-35%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm
REE		17%	MUA	
TDM (2)	-61%	8%	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận.
TV2	91%	184%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026
DPG	7%	65%	MUA	Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận
VGC			MUA	
Dầu khí				
BSR	1970%	215%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi
DCM (2)		55%	MUA	
DPM		70%	PHTT	
GAS		10%	MUA	
OIL (2)	1958%		KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng
PLX (2)			MUA	
PLC	-68%		MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi

PVD (2)	277%	55%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3.7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng
PVS (2)	33%	10%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng
PVT (2)	32%	49%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.854,1	0,0
VN 30	2.014,6	-8,1
VN Mid	2.198,2	3,9
VNSmall	1.410,0	2,7

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	250,0	-0,6
HNX30	530,3	4,3
VNX Allshare	3.000,3	-9,9

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,7	0,2

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	4.220,5	19,9%
Khối ngoại mua	2.241,7	10,6%
Khối ngoại bán	3.271,8	15,4%
Tổng giao dịch	21.209,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	437,3	30,0%
Khối ngoại mua	279,7	19,2%
Khối ngoại bán	47,5	3,3%
Tổng giao dịch	1.459,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	135,8	26,6%
Khối ngoại mua	18,0	3,5%
Khối ngoại bán	148,9	29,2%
Tổng giao dịch	510,8	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BSR	1.650	7,0%
GVR	2.350	7,0%
ASM	390	6,9%
DXS	510	6,9%
BFC	4.000	5,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DXP	1.200	8,4%
KSV	10.700	7,1%
NRC	300	4,6%
DL1	200	4,4%
PVS	1.300	3,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MSR	2.597	6,9%
DSH	837	5,3%
GCF	913	5,0%
OIL	689	5,0%
MVC	676	4,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
NVL	-1.400	-6,8%
HTN	-590	-6,8%
TN1	-900	-6,0%
TCH	-850	-4,7%
VHM	-4.000	-2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
KSF	-3.600	-3,9%
SJE	-400	-2,7%
L14	-300	-1,2%
NDN	-100	-1,0%
SCG	-600	-0,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIW	-2.999	-7,4%
F88	-6.634	-4,0%
HNG	-176	-2,4%
LSG	-687	-2,0%
SCL	-340	-1,6%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VJC	2.618
VHM	938
SHB	903
HPG	902
VIC	831

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HUT	339
SHS	256
CEO	252
PVS	219
MBS	67

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	198
SII	119
OIL	54
ACV	44
HNG	37

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
C32	943.772	102.968
PTB	876.368	144.353
VJC	13.827.634	2.355.115
ASM	1.603.597	305.036
SGR	883.335	192.327
DBT	277.603	68.199
SAM	1.980.916	489.949
TLD	1.047.815	275.839
OGC	1.233.452	353.098
AAA	3.185.359	912.396

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PSI	1.049.285	245.075
DXP	1.709.944	522.211
L40	217.873	77.082
PV2	200.400	130.506
MBG	338.856	221.505
AMV	633.637	414.536
VHE	258.801	170.496
L14	101.980	71.137
SJE	78.517	54.801
PVS	5.580.794	4.428.626

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BIG	1.160.981	476.197
MVC	155.000	64.589
DRI	1.307.719	631.570
QNS	241.746	126.579
VIW	233.909	124.023
DSH	798.469	440.921
ABW	181.601	109.425
ACV	998.727	643.047
STH	125.200	81.885
VEA	356.325	271.807

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.730,1		13,6	2,1	18,2
TCX	4.365,0	90,2	18,6	2,5	16,2
VCK	3.156,2	95,6	19,1	2,8	17,8
SSI	2.619,1	68,0	12,9	1,8	14,0
VPX	1.942,9	95,1	12,1	1,5	13,9
VIX	1.567,1	92,0	5,1	1,9	28,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	631,5		12,5	1,6	13,6
BVH	1.977,9	21,8	17,7	2,1	12,1
PVI	697,1	43,3	13,9	2,1	13,8
BIC	182,9	7,9	10,2	1,5	17,5
VNR	158,4	22,7	9,6	1,0	10,8
MIG	141,3	84,0	11,4	1,4	13,7

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.787,4		19,4	3,7	22,6
ACV	5.969,5	47,0	14,7	2,2	16,7
MVN	2.509,6	0,0	34,0	4,7	14,6
GEE	2.428,3	49,2	18,9	8,3	45,2
VEA	1.683,4	47,6	5,8	1,6	27,1
GEX	1.346,1	43,0	23,8	1,8	9,3

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.876,9		16,7	4,5	26,4
MCH	6.706,7	84,5	25,6	10,3	46,4
VNM	4.831,0	51,2	12,4	3,9	29,9
MSN	4.214,9	75,5	23,5	3,0	12,5
SAB	2.305,1	41,5	12,6	2,7	19,9
PNJ	1.326,6	0,5	9,6	2,4	23,1

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.734,2		18,0	1,5	8,5
BSR	4.799,0	47,6	9,7	1,8	9,0
PLX	1.866,4	5,7	18,4	1,9	10,2
PVS	762,9	33,0	10,4	1,3	12,7
PVD	669,9	38,3	17,0	1,1	6,4
OIL	572,7	6,3	34,7	1,4	4,2

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.314,4		14,3	2,1	15,8
GAS	7.006,4	46,8	15,9	2,7	18,0
POW	1.548,7	47,1	15,7	1,2	7,3
REE	1.258,2	0,0	12,6	1,6	12,7
PGV	1.021,3	50,0	6,2	1,5	23,4
DNH	737,5	0,0	21,2	3,8	17,7

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.434,1		36,6	4,4	26,9
VIC	62.008,6	44,7	140,8	11,0	8,0
VHM	22.138,2	42,0	9,0	2,2	19,0
KSF	3.019,1	50,0	6,3	4,6	76,7
VRE	2.906,6	36,7	11,1	1,5	14,3
BCM	2.097,8	33,1	15,8	2,4	16,5

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.620,0		9,6	1,6	17,8
VCB	19.251,1	9,9	14,1	2,2	16,7
BID	11.287,9	12,4	9,3	1,6	19,4
CTG	10.421,4	4,8	7,2	1,5	21,2
TCB	9.023,9	0,0	9,1	1,3	16,0
VPB	8.115,8	5,4	8,1	1,2	15,5

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.640,5		30,6	4,8	-58,0
VPL	5.799,3	47,3	60,7	4,0	3,2
MWG	4.732,0	0,2	15,3	3,5	23,3
VJC	4.039,7	23,6	41,9	4,1	10,1
HVN	2.675,0	21,7	7,5	6,8	-352,7
FRT	956,7	16,9	27,6	5,7	26,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.876,9		16,7	4,5	26,4
HPG	6.706,7	26,3	25,6	10,3	46,4
GVR	4.831,0	12,4	12,4	3,9	29,9
MSR	4.214,9	99,9	23,5	3,0	12,5
KSV	2.305,1	0,0	12,6	2,7	19,9
DCM	1.326,6	39,3	9,6	2,4	23,1

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.734,2		18,0	1,5	8,5
DHG	4.799,0	46,0	9,7	1,8	9,0
IMP	1.866,4	27,1	18,4	1,9	10,2
DHT	762,9	9,2	10,4	1,3	12,7
DVN	669,9	0,0	17,0	1,1	6,4
DBD	572,7	84,6	34,7	1,4	4,2

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.314,4		14,3	2,1	15,8
FPT	7.006,4	17,9	15,9	2,7	18,0
CMG	1.548,7	12,8	15,7	1,2	7,3
SAM	1.258,2	48,5	12,6	1,6	12,7
SGT	1.021,3	-5,5	6,2	1,5	23,4
ELC	737,5	46,9	21,2	3,8	17,7

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

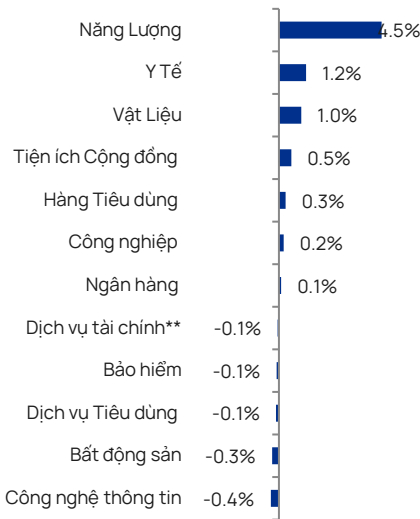
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

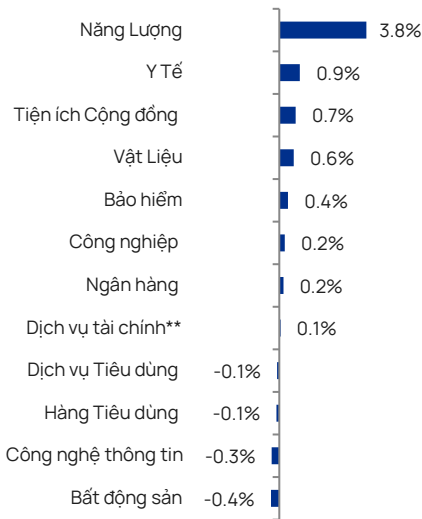


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



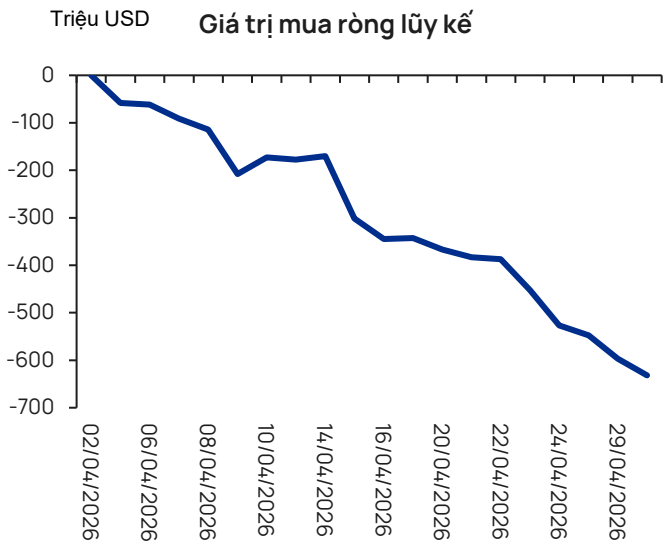
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



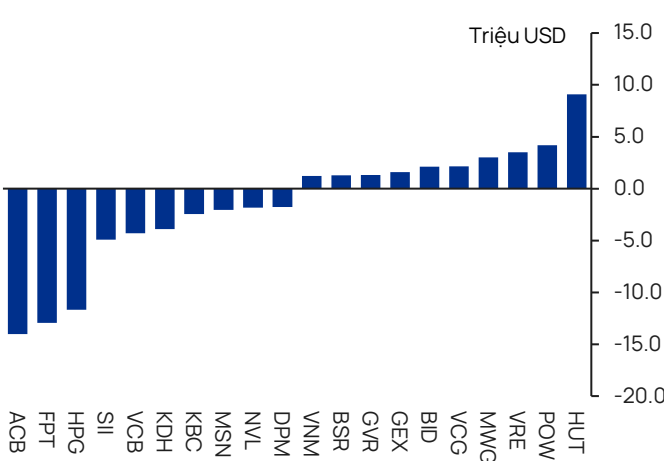
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



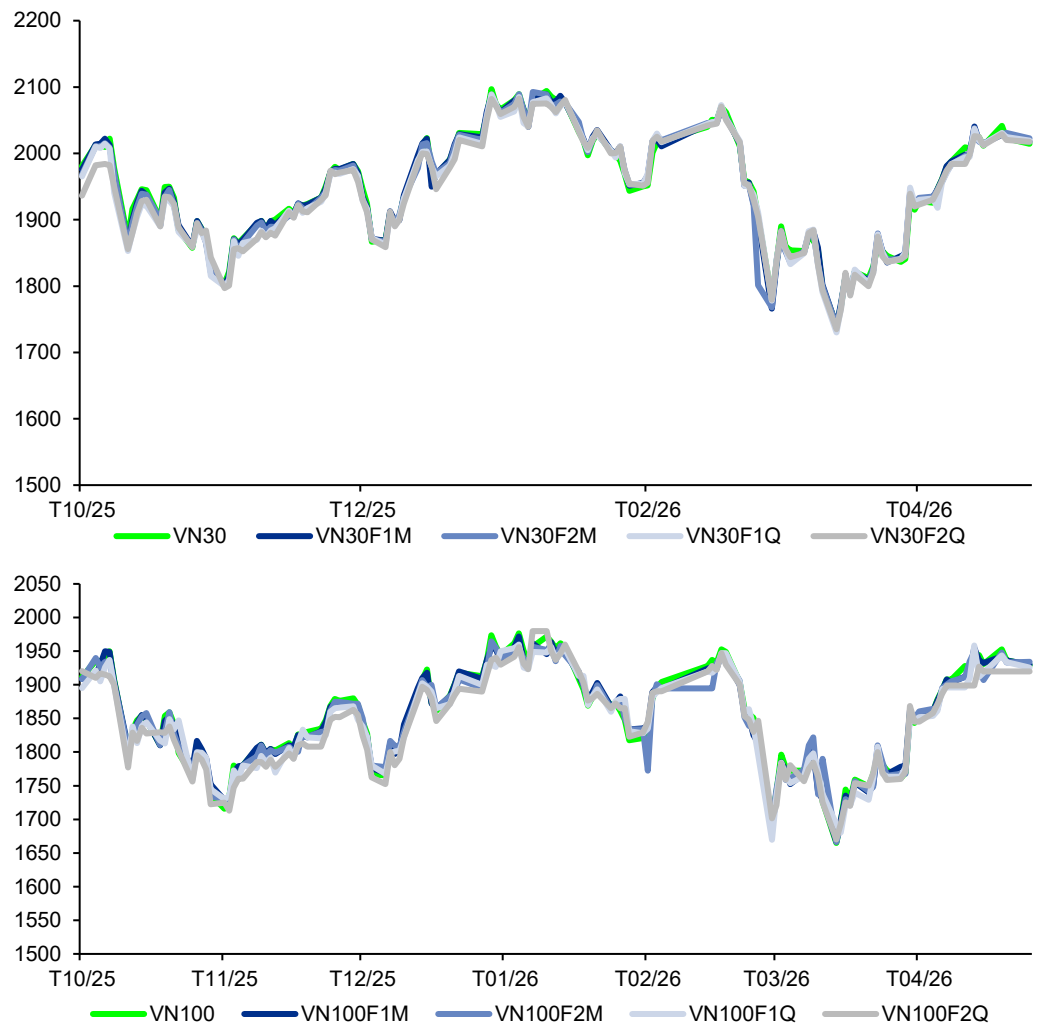
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.017,9	-10,1	-0,5%	3,3
VN30F2M	2.022,5	-8,4	-0,4%	7,9
VN30F1Q	2.019,3	-5,5	-0,3%	4,7
VN30F2Q	2.017,4	-2,6	-0,1%	2,8
VN100F1M	1.930,1	-6,1	-0,3%	1,2
VN100F2M	1.934,0	1,0	0,1%	5,1
VN100F1Q	1.925,5	-8,0	-0,4%	-3,4
VN100F2Q	1.920,0	0,0	0,0%	-8,9

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	36.593	3,3%	247,34	36,9%
VN30F2M	1.999	-0,2%	0,52	-47,7%
VN30F1Q	313	1,0%	0,03	33,3%
VN30F2Q	35	-2,8%	0,02	-4,8%
VN100F1M	21	-27,6%	0,09	100,0%
VN100F2M	15	-25,0%	0,01	37,5%
VN100F1Q	14	-22,2%	0,01	-91,9%
VN100F2Q	3	0,0%	0,00	0,0%

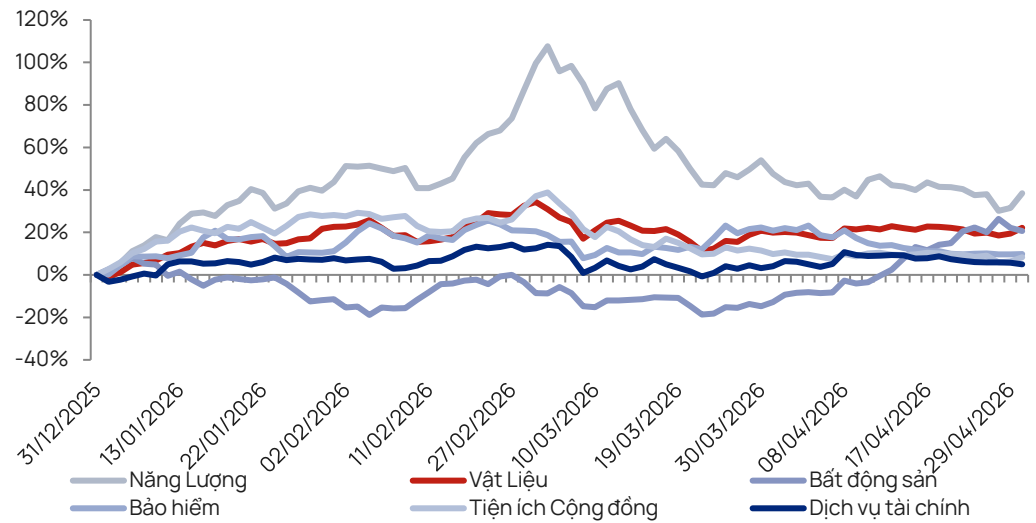


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

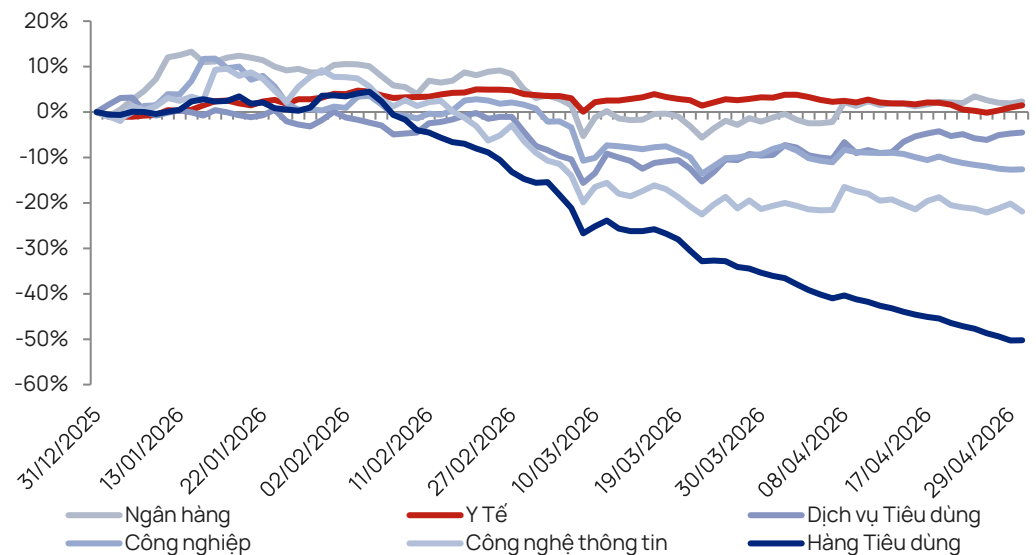
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



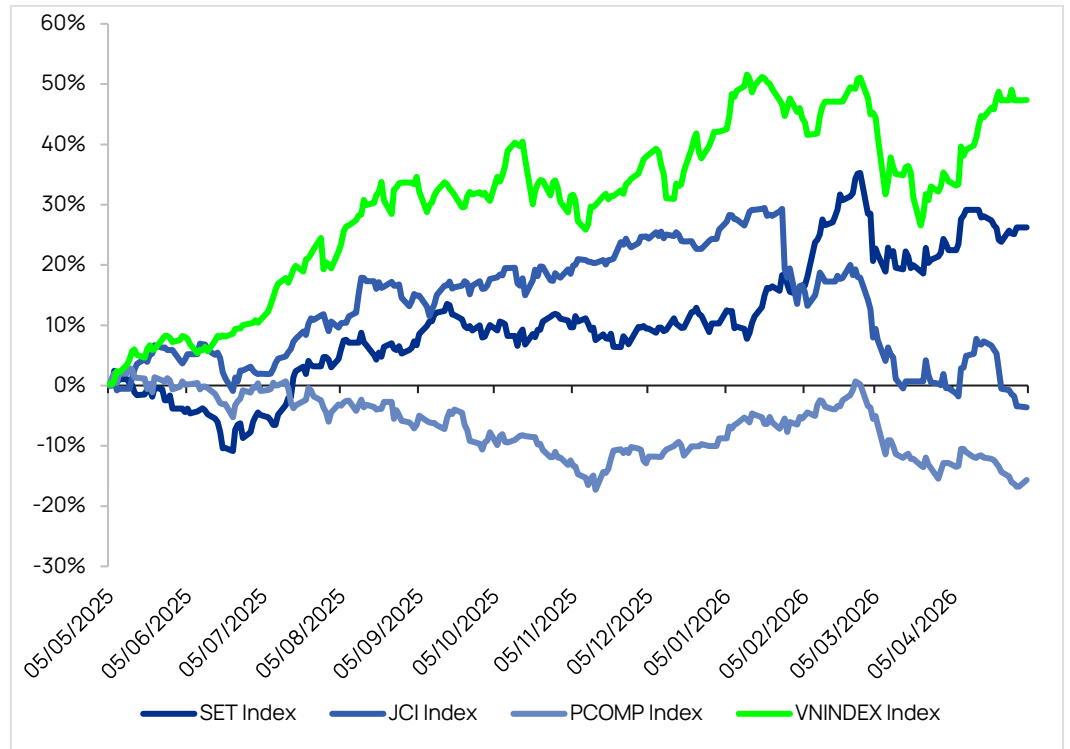
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



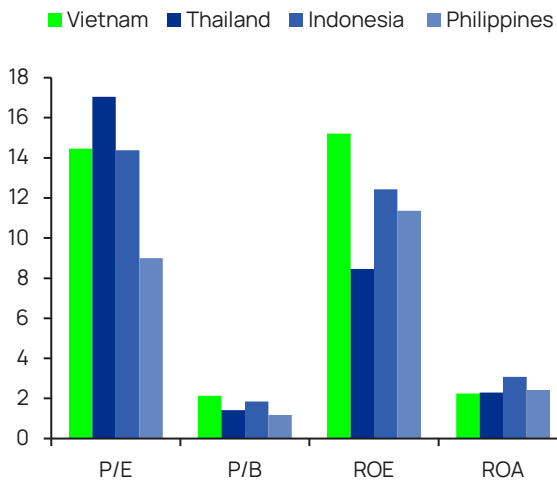
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	17,0	14,4	9,0	14,5
P/B	1,4	1,8	1,2	2,1
ROE (%)	8,5	12,4	11,4	15,2
ROA (%)	2,3	3,1	2,4	2,2
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	578,2	706,5	138,5	330,6
GTGD trung bình, tr USD	1.392,6	1.135,2	82,4	1.031,1
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	560,5	-2.937,6	-72,8	-1.652,2
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	6,4	(290,5)	(18,6)	(71,1)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,61%	6,74%	6,61%	4,05%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.